

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG
NGOÀI GIỜ LÊN LỚP CHO HỌC SINH LỚP 4, 5 TRƯỜNG
TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Sinh viên thực hiện : Dương Hải Nguyên

Lớp : 14STH

Chuyên ngành: Giáo dục tiểu học

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Kim Cúc

LỜI CẢM ƠN

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Th.S Trần Thị Kim Cúc, người đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn em trong suốt quá trình nghiên cứu đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, khoa Giáo dục Tiểu học, tổ thư viện đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Xin được gửi lời cảm ơn tới các thầy cô, các em học sinh và các bậc phụ huynh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi đã tạo điều kiện giúp đỡ trong suốt quá trình điều tra, khảo sát.

Xin trân trọng cảm ơn!

Đà Nẵng, tháng 01 năm 2018

Tác giả

Dương Hải Nguyên

BẢNG KÝ HIỆU CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Nội dung	Từ viết tắt
1.	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	HĐGDNGLL
2.	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	HĐNGLL
3.	Kĩ năng sống	KNS
4.	Giáo dục và đào tạo	GD & ĐT
5.	Nhà xuất bản	NXB
6.	Tổ chức Y tế thế giới	WHO
7.	Tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục của Liên hợp quốc	UNESCO
8.	Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc	UNICEF

MỤC LỤC

A. MỞ ĐẦU	8
1. Lí do chọn đề tài	8
2. Lịch sử nghiên cứu đề tài	9
2.1. Vấn đề nghiên cứu về kĩ năng sống	9
2.2. Vấn đề nghiên cứu về hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	10
3. Mục đích nghiên cứu	11
4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	11
4.1. Khách thể nghiên cứu	11
4.2. Đối tượng nghiên cứu	11
5. Giả thuyết khoa học	11
6. Nhiệm vụ nghiên cứu	11
7. Phạm vi nghiên cứu	12
8. Phương pháp nghiên cứu	12
8.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý thuyết	12
8.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn	12
8.2.1. Phương pháp quan sát: Quan sát học sinh và cách tổ chức của giáo viên trong các HĐNGLL	12
8.2.2. Phương pháp điều tra Anket: Điều tra thông qua việc sử dụng phiếu khảo sát, thăm dò ý kiến của giáo viên và học sinh khối lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	12
8.2.3. Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn giáo viên và học sinh để tìm hiểu khó khăn trong việc tổ chức HĐNGLL cũng như tham gia các hoạt động để rèn luyện kĩ năng sống.	12
8.2.4. Phương pháp thực nghiệm: Nhằm xác định tính khả thi của các biện pháp mà đề tài đưa ra.	12
8.3. Phương pháp xử lý số liệu bằng toán học thống kê: Dùng toán học để xử lý thông tin, số liệu thu thập được, từ đó lập bảng, so sánh, phân tích, tổng hợp số liệu và rút ra nhận xét.	12
9. Cấu trúc của đề tài	12
B. NỘI DUNG	14
Chương I: Cơ sở lí luận của việc giáo dục kĩ năng sống thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh lớp 4, 5	14
1.1. Một số vấn đề chung về Kĩ năng sống	14
1.1.1. Một số khái niệm	14
1.1.1.1. Kĩ năng	14
1.1.1.2. Kĩ năng sống	15
1.1.2. Quá trình hình thành kĩ năng sống	15
1.1.2.1. Cơ sở hình thành	15
1.1.2.2. Các giai đoạn hình thành	15
1.1.3. Phân loại kĩ năng sống	16

1.1.3.1.	Kĩ năng cơ bản	16
1.1.3.2.	Kĩ năng nâng cao.....	16
1.2.	Một số vấn đề về hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở tiểu học	16
1.2.1.	Một số khái niệm.....	16
1.2.1.1.	Hoạt động.....	17
1.2.1.2.	Giáo dục	17
1.2.1.3.	Hoạt động giáo dục	17
1.2.1.4.	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	18
1.2.2.	Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	18
1.2.2.1.	Vị trí	18
1.2.2.2.	Vai trò	19
1.2.2.3.	Nhiệm vụ.....	20
1.2.3.	Nội dung của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở tiểu học.....	21
1.2.3.1.	Nguyên tắc lựa chọn nội dung của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	21
1.2.3.2.	Những nội dung của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	22
1.2.4.	Một số hình thức tổ chức cơ bản của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	23
1.2.4.1.	Tiết chào cờ đầu tuần	23
1.2.4.2.	Tiết hoạt động tập thể cuối tuần.....	24
1.2.4.3.	Hoạt động giáo dục theo chủ điểm.....	25
1.2.5.	Đặc điểm của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở Tiểu học	25
1.3.	Một số vấn đề cơ bản về giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL	25
1.3.1.	Mục tiêu, ý nghĩa của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh..	25
1.3.1.1.	Mục tiêu.....	26
1.3.1.2.	Ý nghĩa	26
1.3.2.	Mục đích giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL	26
1.3.3.	Nội dung giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL	27
1.3.3.1.	Nội dung giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5.....	27
1.3.3.2.	Nội dung giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL	29
1.3.4.	Vai trò của HĐNGLL đối với việc giáo dục KNS cho học sinh lớp 4, 5	30
1.3.5.	Tầm quan trọng của việc giáo dục kĩ năng sống thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	30
1.4.	Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh lớp 4, 5.....	31
1.4.1.	Đặc điểm về cơ thể.....	31
1.4.2.	Đặc điểm về hoạt động và môi trường sống.....	31
1.4.2.1.	Đặc điểm về hoạt động	31
1.4.2.2.	Đặc điểm về môi trường sống	31

1.4.3. Đặc điểm về nhận thức	32
1.4.3.1. Tri giác	32
1.4.3.2. Chú ý	32
1.4.3.3. Trí nhớ.....	32
1.4.3.4. Tư duy.....	32
1.4.3.5. Tưởng tượng	33
1.4.3.6. Ngôn ngữ.....	33
1.4.4. Đặc điểm về nhân cách.....	33
1.4.4.1. Tính cách	33
1.4.4.2. Xúc cảm – tình cảm.....	33
TIỂU KẾT CHƯƠNG I.....	34
Chương II: Thực trạng của việc giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh lớp 4, 5, trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, thành phố Đà Nẵng	35
2.1. Mục đích, đối tượng, nội dung, phương pháp khảo sát.....	35
2.1.1 Mục đích khảo sát	35
2.1.2 Đối tượng khảo sát	35
2.1.3 Nội dung khảo sát.....	35
2.1.4 Phương pháp khảo sát.....	36
2.2. Kết quả khảo sát thực trạng	36
2.2.1 Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh về việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.....	36
2.2.2 Thực trạng về việc thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.....	39
2.2.3 Thực trạng về hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.	43
2.2.4 Thực trạng về việc sử dụng các phương pháp tổ chức giáo dục KNS thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.	45
2.2.5 Thực trạng về việc đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống sau khi tổ chức HĐNGLL	46
2.2.6 Thực trạng về hiệu quả của việc thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL.....	46
2.2.7 Thực trạng đánh giá của lực lượng giáo dục về các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5.	47
TIỂU KẾT CHƯƠNG II.....	51
Chương III: Biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp	52
1.1. Mục tiêu	52
1.2. Cơ sở đề xuất biện pháp	52
3.2.1 Dựa vào nội dung các hoạt động thực hiện chủ đề của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học.....	52

3.2.2	Dựa vào đặc điểm tâm sinh lí của HSTH	52
3.2.3	Dựa vào kết quả khảo sát thực trạng	52
1.3.	Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp.....	52
3.3.1	Thiết kế một số hoạt động ngoài giờ lên lớp dựa theo chủ điểm ở trường tiểu học	52
3.3.1.1	<i>Nguyên tắc thiết kế hoạt động</i>	53
3.3.1.2	<i>Thời lượng quy định tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp</i>	53
3.3.1.3	<i>Yêu cầu của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp</i>	53
3.3.1.4	Quy trình chung tổ chức một HĐGDNGLL nhằm giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.....	53
1.3.2.	Giáo viên chủ nhiệm vận dụng linh hoạt các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để thực hiện mục tiêu giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.	56
3.3.3.	Phối hợp với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức số hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm thực hiện giáo dục kĩ năng sống cho học sinh...	58
3.4.	Khảo nghiệm sư phạm.....	59
3.4.1.	Mục đích khảo nghiệm	59
3.4.2.	Đối tượng khảo nghiệm	59
3.4.3.	Nội dung khảo nghiệm	59
3.4.4.	Phương pháp khảo nghiệm	59
3.4.5.	Kết quả khảo nghiệm.....	59
3.4.5.1.	Kết quả trưng cầu ý kiến từ học sinh.....	59
3.4.5.2.	Kết quả trưng cầu ý kiến từ giáo viên	61
3.4.5.3.	Kết quả trưng cầu ý kiến từ cán bộ quản lí.....	62
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3		64
C.KẾT LUẬN		65
1.	Kết luận	65
2.	Đề xuất, kiến nghị.....	65
D. TÀI LIỆU THAM KHẢO		66
E. PHỤ LỤC		

A. MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Giáo dục là quá trình kết hợp giữa vai trò chủ đạo của giáo viên với sự tích cực, tự giác, chủ động của học sinh nhằm hình thành và phát triển nhân cách tốt đẹp cho các em. Quá trình hình thành nhân cách cho học sinh được thực hiện thông qua hai con đường cơ bản: dạy học trên lớp và ngoài giờ lên lớp.

Giáo dục hiện nay đang không ngừng đổi mới để có thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Nhiệm vụ của giáo dục không chỉ đào tạo ra những con người có trình độ chuyên môn cao mà còn phải có khả năng thích ứng với mọi sự thay đổi của môi trường. Để thực hiện được nhiệm vụ này, ngay từ bậc Tiểu học, ngoài việc trang bị cho học sinh vốn kiến thức cơ bản trong học tập, lao động còn phải giáo dục cho học sinh kỹ năng sống, kỹ năng làm người để các em có thể tự giải quyết được một số vấn đề thiết thực trong cuộc sống, thích ứng nhanh với môi trường, xã hội mới. Đối với học sinh tiểu học, việc hình thành các kỹ năng cơ bản trong học tập và sinh hoạt là rất cần thiết, nó ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách sau này của các em. Trong đó, hoạt động ngoài giờ lên lớp là một hoạt động quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Mục tiêu của hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh có những hiểu biết và thái độ đúng đắn về các giá trị văn hóa, xã hội của dân tộc. Thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo viên có thể dễ dàng chuyển tải nội dung giáo dục, rèn luyện các kỹ năng sống cơ bản cho học sinh. Do đó, rèn luyện kỹ năng sống thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 4, 5 nói riêng là một việc làm cần thiết.

Tuy nhiên, thực trạng hiện nay, việc rèn kỹ năng sống cho học sinh ở trường tiểu học còn nhiều hạn chế. Mặc dù, trong năm học 2010-2011, Bộ GD & ĐT đã chỉ đạo đưa nội dung giáo dục kỹ năng sống lồng ghép vào một số môn học phù hợp và chuyển tải trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp từ bậc tiểu học cho đến Trung học phổ thông nhưng việc rèn kỹ năng sống cho học sinh chưa có nét chuyển biến lớn. Nguyên nhân là do một số giáo viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc rèn kỹ năng sống cho học sinh, chương trình học còn nặng về kiến thức, giáo viên còn lúng túng trong việc lồng ghép giáo dục kỹ năng sống vào trong hoạt động ngoại khóa. Học sinh tiểu học lại là lứa tuổi rất dễ chán đối với những hình thức cũ, nội dung đơn điệu, lặp đi lặp lại nhiều lần. Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu về vấn đề này còn chưa nhiều, giáo viên tiểu học gặp khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu, chưa kể một số giáo viên chưa có kinh nghiệm cũng như chưa có kỹ năng tổ chức, quản lý học sinh. Để giải quyết được vấn đề này, nhà trường, đặc biệt là giáo viên cần phải xác định được nội dung và các biện pháp phù hợp để rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Chính vì những lí do trên, tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu: *“Giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh lớp 4,5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, thành phố Đà Nẵng”*.

2. Lịch sử nghiên cứu đề tài

2.1. Vấn đề nghiên cứu về kỹ năng sống

Kỹ năng sống và vấn đề giáo dục kỹ năng sống cho con người đã xuất hiện từ rất lâu. Từ việc tích lũy các kinh nghiệm sống mà ông cha ta đã rút ra nhiều bài học để răn dạy con cháu như học ăn, học nói, học gói, học mở, học dăm ba chữ để làm người, học để đối nhân xử thế, học để mà chống chọi với thiên nhiên. Đó là những kỹ năng cơ bản nhất mà con người phải học để mà sống, mà hòa nhập với cộng đồng người trong từng thời điểm khác nhau của xã hội.

Về vấn đề kỹ năng sống, kỹ năng sống có chủ yếu trong các chương trình hành động của UNESCO (Tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục Liên Hiệp Quốc), WTO (Tổ chức y tế thế giới), UNICEF (Quỹ nhi đồng Liên Hiệp Quốc) cũng như trong các chương trình hành động của các tổ chức xã hội trong và ngoài nước. Ở hướng nghiên cứu này, các tác giả chủ yếu xây dựng hệ thống các kỹ năng của từng loại hoạt động, mô tả chân dung các kỹ năng cụ thể và các điều kiện, quy trình hình thành và phát triển hệ thống các kỹ năng đó. Trong chương trình này chỉ giới thiệu những kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng nhận thức, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác định giá trị và kỹ năng ra quyết định.

Đối với giới khoa học, nghiên cứu kỹ năng ở mức khái quát có P. Ia. Galperin, V. A. Crutexki,... Trong đó công trình nghiên cứu của P. Ia. Galperin chủ yếu đi sâu vào vấn đề hình thành tri thức và kỹ năng theo lý thuyết hành động trí tuệ trong từng giai đoạn. Nghiên cứu kỹ năng ở mức độ cụ thể, có nhiều nhà nghiên cứu kỹ năng đối với các lĩnh vực khác nhau như kỹ năng lao động gắn với tên tuổi các nhà tâm lý – giáo dục như V. V. Tseburseva, PGS. TS Trần Trọng Thủy; kỹ năng học tập gắn với G. X. Cochiuc, N. A. Menchinxcaia, PGS. TS Hà Thị Đức; kỹ năng hoạt động sư phạm gắn với tên tuổi X. I. Kixegops, Nguyễn Như An, Nguyễn Văn Hộ.

Về vấn đề giáo dục kỹ năng sống, đối với mỗi quốc gia khác nhau thì vấn đề này được chú trọng theo nhiều hướng khác nhau:

Giáo dục KNS ở Lào bắt đầu quan tâm từ năm 1997 với cách tiếp cận nội dung đến giáo dục phòng chống HIV/AIDS được tích hợp trong chương trình giáo dục chính quy.

Giáo dục KNS ở Campuchia được xem xét dưới góc độ năng lực sống của con người, kỹ năng làm việc. Vì vậy, giáo dục KNS được triển khai theo hướng là giáo dục kỹ năng cơ bản cho con người trong cuộc sống hàng ngày và kỹ năng nghề nghiệp.

Giáo dục KNS ở Malaysia được xem xét và nghiên cứu dưới 3 góc độ: Các kỹ năng thao tác bằng tay, kỹ năng thương mại và đầu thầu, kỹ năng sống trong đời sống gia đình.

Giáo dục KNS ở Bangladesh được khai thác dưới góc độ các kỹ năng hoạt động xã hội, kỹ năng phát triển, kỹ năng chuẩn bị cho tương lai.

Ở Ấn Độ, giáo dục KNS cho học sinh được xem xét dưới góc độ giúp cho con người sống lành mạnh về thể chất và tinh thần, nhằm phát triển năng lực con người.

Ở Bhutan: KNS được quan niệm là bất kì kĩ năng nào góp phần phát triển xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa, tinh thần, và tạo quyền cho cá nhân trong cuộc sống hàng ngày của họ, đồng thời giúp họ xóa bỏ nghèo khổ để có nhân phẩm và hạnh phúc trong xã hội. Chính vì vậy, giáo dục kĩ năng sống là nhằm hình thành ở người học những khả năng về tinh thần (những giá trị tinh thần, niềm tin và thực hành niềm tin...), tâm lý – xã hội (giải quyết vấn đề, giao tiếp liên nhân cách...), kinh tế (đào tạo kĩ năng nghề, kĩ năng hợp tác...)

Như vậy, có thể thấy một số nước trên thế giới có quan niệm chung về giáo dục kĩ năng sống. Hầu hết các nước đã đưa nội dung giáo dục kĩ năng sống vào trong chương trình giáo dục ở nhà trường với các mức độ khác nhau.

Tại Việt Nam, khái niệm “Kĩ năng sống” thực sự được hiểu với nội hàm đa dạng sau hội thảo “Chất lượng giáo dục và kĩ năng sống” do UNICEF, Viện chiến lược và chương trình giáo dục tổ chức từ ngày 23-25 tháng 10 năm 2003 tại Hà Nội. Từ đó, người làm công tác giáo dục ở Việt Nam đã hiểu đầy đủ hơn về kĩ năng sống. Từ năm học 2002-2003 ở Việt Nam đã thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông (Tiểu học và Trung học cơ sở) trong cả nước.

PGS.TS Nguyễn Thanh Bình với Giáo trình Giáo dục kĩ năng sống đã trình bày những vấn đề về KNS và nội dung GD KNS. Đây là một công trình giúp cho người đọc có cái nhìn tổng quan về vấn đề giáo dục KNS.

Trong chương trình Tiểu học đổi mới đã hướng đến giáo dục kĩ năng sống thông qua lồng ghép một số môn học có tiềm năng như: Đạo đức, Tự nhiên- Xã hội (ở lớp 1, 2, 3) và môn Khoa học (ở lớp 4, 5). Mặt khác, trong những năm học qua, có rất nhiều công trình nghiên cứu của nhiều Thạc sĩ, Tiến sĩ và của giáo viên về giáo dục KNS cho học sinh như: Đề tài “Giáo dục KNS cho học sinh lớp 1, 2, 3” trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe” của môn Tự nhiên và xã hội của nhóm nghiên cứu Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng. Đề tài cấp bộ của TS. Nguyễn Thanh Bình nghiên cứu về thực trạng Kĩ năng sống của học sinh và đề xuất một số giải pháp về giáo dục Kĩ năng sống cho học sinh;...

2.2. Vấn đề nghiên cứu về hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến các khía cạnh khác nhau của HĐGDNGLL như vai trò, biện pháp, phương pháp, hình thức tổ chức... trong nhà trường, ngoài nhà trường ở các bậc học như: Giáo dục Mầm non, giáo dục Tiểu học, giáo dục trung học sơ sở, giáo dục trung học phổ thông và cả trong giáo dục Đại học. Tuy nhiên, những tác giả đề cập đến vấn đề tổ chức HĐGDNGLL ở bậc Tiểu học còn khá ít. Cụ thể như:

Đỗ Nguyễn Hạnh với bài: “Một số hình thức giáo dục ngoài giờ lên lớp có hiệu quả” tạp chí NCGD 2 – 1988. Tác giả đã đưa ra một số hình thức như: bình thơ, trưng bày tranh ảnh, tham quan... có tác dụng tốt cho việc củng cố kiến thức, kĩ năng, giáo dục tình cảm, ý thức tập thể cho học sinh.

Nguyễn Dục Quang (chủ biên) cuốn “Giáo trình Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp” đề cập đến vị trí, vai trò, mục tiêu, nội dung chương trình HĐGDNGLL... Ngoài

ra còn một số luận án, luận văn thạc sĩ, khóa luận tốt nghiệp, sáng kiến kinh nghiệm có đề cập tới các khía cạnh khác nhau của HĐGDNGLL. Trong đó, một số tác giả đề cập đến vấn đề giáo dục KNS thông qua HĐNGLL như:

Sáng kiến kinh nghiệm của Đỗ Hữu Hà với đề tài “Tổ chức rèn kỹ năng sống cho học sinh thông qua các HĐGDNGLL” trường Tiểu học Lê Công Phép, Thành phố Hồ Chí Minh...

Sáng kiến kinh nghiệm của tác giả Phạm Thị Giang Thanh với đề tài “Nâng cao hiệu quả giáo dục KNS qua HĐNGLL cho học sinh tiểu học” đề cập đến nội dung và cách thức thực hiện biện pháp giáo dục KNS thông qua HĐNGLL cho học sinh tiểu học nói chung.

Nhìn chung việc giáo dục KNS cho con người nói chung, cho học sinh nói riêng đã được các nước trên thế giới cũng như tại Việt Nam quan tâm khai thác, nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau, nhưng vấn đề giáo dục kỹ năng sống nói chung và việc giáo dục KNS cho học sinh lớp 4, 5 thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp ở các trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thì chưa có đề tài nào nghiên cứu. Xác định được tầm quan trọng đó nên tôi chọn đề tài này để nghiên cứu.

3. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài này, tôi nhằm tìm hiểu thực trạng tổ chức HĐGDNGLL ở trường tiểu học để từ đó đề xuất một số biện pháp giáo dục KNS cho học sinh thông qua hoạt động này, góp phần hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh một cách toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục trong trường tiểu học.

4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

4.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình giáo dục kỹ năng sống, thông qua HĐNGLL.

4.2. Đối tượng nghiên cứu

Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, thành phố Đà Nẵng.

5. Giả thuyết khoa học

Nếu tổ chức HĐNGLL kết hợp với việc ứng dụng các biện pháp như tổ chức trò chơi, thi hùng biện; tổ chức cho học sinh làm việc theo đội, nhóm; hướng dẫn học sinh nhận xét, đánh giá, đưa ra ý kiến cá nhân của mình; sử dụng phương tiện trực quan... sao cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học thì sẽ góp phần giáo dục kỹ năng sống cho các em.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua HĐNGLL.
- Nghiên cứu thực trạng về việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua HĐNGLL.
- Đề xuất biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.
- Khảo nghiệm sư phạm.

7. Phạm vi nghiên cứu

- Xác định biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5.
- Do điều kiện và khả năng nghiên cứu còn hạn chế nên tôi quyết định chỉ nghiên cứu và thực nghiệm chủ yếu ở học sinh lớp 4, 5, trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, thành phố Đà Nẵng.

8. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nhiệm vụ trên, đề tài sử dụng các nhóm phương pháp nghiên cứu sau đây:

8.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Thu thập các thông tin lí luận có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

- Phân tích và tổng hợp lý thuyết
- Phân loại và hệ thống lý thuyết

8.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

8.2.1. *Phương pháp quan sát*: Quan sát học sinh và cách tổ chức của giáo viên trong các HĐNGLL.

8.2.2. *Phương pháp điều tra Anket*: Điều tra thông qua việc sử dụng phiếu khảo sát, thăm dò ý kiến của giáo viên và học sinh khối lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

8.2.3. *Phương pháp phỏng vấn*: Phỏng vấn giáo viên và học sinh để tìm hiểu khó khăn trong việc tổ chức HĐNGLL cũng như tham gia các hoạt động để rèn luyện kỹ năng sống.

8.2.4. *Phương pháp thực nghiệm*: Nhằm xác định tính khả thi của các biện pháp mà đề tài đưa ra.

8.3. *Phương pháp xử lý số liệu bằng toán học thống kê*: Dùng toán học để xử lý thông tin, số liệu thu thập được, từ đó lập bảng, so sánh, phân tích, tổng hợp số liệu và rút ra nhận xét.

9. Cấu trúc của đề tài

Đề tài gồm 3 phần chính sau:

A. Phần mở đầu

1. Lí do chọn đề tài
2. Lịch sử nghiên cứu đề tài
3. Mục đích nghiên cứu
4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu
5. Giả thiết khoa học
6. Nhiệm vụ nghiên cứu
7. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu
8. Phương pháp nghiên cứu
9. Kết cấu của đề tài

B. Phần nội dung

Chương I: Cơ sở lí luận của việc rèn luyện kĩ năng sống thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh lớp 4, 5.

Chương II: Thực trạng của việc rèn luyện kĩ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5, trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, thành phố Đà Nẵng.

Chương III: Biện pháp nâng cao hiệu quả của việc rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

C. Phần kết luận

D. Tài liệu tham khảo

E. Phụ lục

B.NỘI DUNG

Chương I: Cơ sở lí luận của việc giáo dục kĩ năng sống thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh lớp 4, 5

1.1. Một số vấn đề chung về Kĩ năng sống

1.1.1. Một số khái niệm

1.1.1.1. Kĩ năng

Kĩ năng là một vấn đề phức tạp và có nhiều quan điểm khác nhau, về vấn đề này có những ý kiến sau đây:

Theo L. Đ.Lêvitôv nhà tâm lý học Liên Xô cho rằng: Kĩ năng là sự thực hiện có kết quả một động tác nào đó hay một hoạt động phức tạp hơn bằng cách lựa chọn và áp dụng những cách thức đúng đắn, có tính đến những điều kiện nhất định. Theo ông, người có kĩ năng hành động là người phải nắm được và vận dụng được đúng đắn các cách thức hành động nhằm thực hiện hành động có kết quả. Ông còn nói thêm, con người có kĩ năng không chỉ nắm lý thuyết về hành động mà phải vận dụng được lý thuyết đó vào thực tế.

A.U.Pêtrôpxki: Kĩ năng là sự vận dụng tri thức đã có thể lựa chọn và thực hiện nhưng phương thức hành động tương ứng với mục đích đặt ra.

Theo quan điểm của P.A.Rudic: Kĩ năng là động tác mà cơ sở của nó là sự vận dụng thực tế các kiến thức đã tiếp thu được để đạt kết quả trong một hình thức vận động cụ thể.

Theo quan điểm của K.K.Platônôp: Kĩ năng là khả năng của con người thực hiện một hoạt động bất kì nào đó hay các hành động trên cơ sở của kinh nghiệm cũ.

Theo tác giả Vũ Dũng thì: “Kĩ năng là năng lực vận dụng có kết quả tri thức về phương thức hành động đã được chủ thể lĩnh hội để thực hiện những nhiệm vụ tương ứng”. [5]

Theo G.S.TSKH Thái Duy Tuyên, kĩ năng là sự ứng dụng kiến thức trong hoạt động. Mỗi kĩ năng bao gồm một hệ thống thao tác trí tuệ và thực hành, thực hiện trọn vẹn hệ thống thao tác này sẽ đảm bảo đạt được mục đích đặt ra cho hoạt động.

Nguyễn Quang Uẩn và Nguyễn Ánh Tuyết cho rằng: Kĩ năng là năng lực của con người biết vận dụng các thao tác của một hành động theo quy trình.

Từ khái niệm trên cho thấy rằng:

- Tri thức là cơ sở, là nền tảng để hình thành kĩ năng. Tri thức ở đây bao gồm tri thức về cách thức hành động và tri thức về đối tượng hành động,
- Kĩ năng là sự chuyển hóa tri thức thành năng lực hành động của cá nhân.
- Kĩ năng luôn gắn với một hành động hoặc một hoạt động nhất định nhằm đạt được mục đích đã đặt ra.

Từ sự phân tích trên ta có thể hiểu kĩ năng một cách chung nhất: *Kĩ năng là năng lực thực hiện một hành động hay một hoạt động nào đó bằng cách lựa chọn và vận dụng những tri thức, các thức hành động đúng đắn để đạt được mục đích đề ra.*

1.1.1.2. Kỹ năng sống

Trong những năm gần đây, thuật ngữ KNS xuất hiện ngày càng nhiều ở mọi nơi trên thế giới. Hiện nay, có khá nhiều định nghĩa và quan niệm khác nhau về KNS. Mỗi định nghĩa lại thể hiện những cách thức tiếp cận khác nhau.

Theo từ điển Wikipedia, KNS là tập hợp các kỹ năng của con người có được qua việc học hoặc việc trải nghiệm trực tiếp trong cuộc sống, dùng để giải quyết những vấn đề mà con người thường đối mặt trong cuộc sống hàng ngày.

Theo tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO), KNS là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày, những kỹ năng đó gắn với 4 trụ cột của giáo dục: Học để biết, học để làm, học để làm người, học để chung sống.

Tổ chức Y tế Thế giới WHO định nghĩa KNS là "khả năng thích nghi và hành vi tích cực cho phép cá nhân có khả năng đối phó hiệu quả với nhu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày". Trong giáo dục tiểu học và giáo dục trung học, KNS có thể là một tập hợp những khả năng được rèn luyện và đáp ứng các nhu cầu cụ thể của cuộc sống hiện đại hóa.

Theo UNICEF, KNS là tập hợp rất nhiều kỹ năng tâm lý xã hội và giao tiếp cá nhân giúp cho con người đưa ra những quyết định có cơ sở, giao tiếp một cách có hiệu quả, phát triển các kỹ năng tự xử lý và quản lý bản thân nhằm giúp họ có một cuộc sống lành mạnh và hiệu quả.

KNS vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội. Nó cần thiết đối với học sinh để các em có thể ứng phó một cách tự tin, chủ động, tích cực và hợp lý trong các tình huống của cuộc sống cũng như trong mối quan hệ; từ đó đem lại cho các em một cuộc sống vui vẻ, thoải mái, hài hòa.

Như vậy, bản chất của KNS là kỹ năng tự quản lý bản thân và kỹ năng xã hội cần thiết để cá nhân tự lực trong cuộc sống, học tập và làm việc hiệu quả. Hay nói cách khác: *KNS là các kỹ năng tâm lý xã hội, là khả năng làm chủ bản thân của mỗi người, khả năng ứng xử phù hợp với những người khác và với xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống.*

1.1.2. Quá trình hình thành kỹ năng sống

1.1.2.1. Cơ sở hình thành

Để giải thích nguồn gốc hình thành kỹ năng, có lẽ không có cơ sở lý thuyết nào tốt hơn 2 lý thuyết về: Phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện.

Trong đó, kỹ năng của cá nhân gần như thuộc về cái gọi là phản xạ có điều kiện. Nghĩa là, KNS chỉ được hình thành chủ yếu thông qua giáo dục, đào tạo và giáo dục. Trong đó, các kỹ năng có mối quan hệ chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau.

1.1.2.2. Các giai đoạn hình thành

Bất cứ một kỹ năng nào được hình thành nhanh hay chậm, bền vững hay lỏng lẻo đều phụ thuộc vào khát khao, quyết tâm, năng lực tiếp nhận của chủ thể, cách luyện tập, tính phức tạp của chính kỹ năng đó. Dù hình thành nhanh hay chậm thì kỹ năng cũng đều trải qua những giai đoạn sau đây:

- Hình thành mục đích.
- Lên kế hoạch để có kỹ năng đó.
- Cập nhật kiến thức lý thuyết liên quan đến kỹ năng đó.
- Luyện tập kỹ năng.
- Ứng dụng và hiệu chỉnh.

KNS thúc đẩy sự phát triển cá nhân, cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống và giúp cho con người xây dựng một xã hội có văn hóa.

1.1.3. Phân loại kỹ năng sống

Kỹ năng sống được chia thành hai loại: Kỹ năng cơ bản và kỹ năng nâng cao.

1.1.3.1. Kỹ năng cơ bản

Các kỹ năng cơ bản bao gồm: Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, múa, hát, đi, đứng, chạy, nhảy...

1.1.3.2. Kỹ năng nâng cao

Kỹ năng nâng cao là sự kế thừa và phát triển các kỹ năng cơ bản dưới một dạng mới hơn.

Theo UNESCO và UNICEF kỹ năng nâng cao bao gồm 9 kỹ năng sau:

- Giải quyết vấn đề
- Suy nghĩ, tư duy phân tích có phê phán
- Giao tiếp hiệu quả
- (Ra) quyết định
- Tư duy sáng tạo
- Giao tiếp ứng xử cá nhân
- Nhận thức, tự trọng, tự tin
- Thể hiện sự cảm thông
- Ứng phó với căng thẳng cảm xúc.

Theo giáo dục Việt Nam lại chia kỹ năng sống thành ba nhóm sau:

- Các kỹ năng nhận biết và sống với chính mình: tự nhận thức, xác định giá trị, ứng phó với căng thẳng, tìm kiếm sự hỗ trợ, tự tin, tự trọng...
- Các kỹ năng nhận biết và sống với người khác: giao tiếp, giải quyết mâu thuẫn, thương lượng, từ chối, bày tỏ cảm thông, hợp tác.
- Các kỹ năng ra quyết định một cách có hiệu quả: tư duy phán đoán, sáng tạo, giải quyết vấn đề, ra quyết định.

Tuy nhiên, mọi sự phân chia chỉ mang tính tương đối.

Đối với các lớp đầu cấp tiểu học, kỹ năng cơ bản được xem trọng, còn các lớp cuối cấp nâng dần cho các em về kỹ năng nâng cao. Theo đó, chúng ta cần tập trung rèn luyện cho các em 2 nhóm kỹ năng sống sau đây:

- Nhóm kỹ năng giao tiếp – hòa nhập cuộc sống.
- Nhóm kỹ năng trong học tập, lao động – vui chơi giải trí.

1.2. Một số vấn đề về hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở tiểu học

1.2.1. Một số khái niệm

1.2.1.1. Hoạt động

Có nhiều định nghĩa khác nhau về hoạt động:

Theo sinh lí học: Hoạt động là sự tiêu hao năng lượng, thần kinh và cơ bắp của con người tác động vào hiện thực khách quan nhằm thỏa mãn nhu cầu của mình.

Theo tâm lí học duy vật biện chứng: Hoạt động là phương thức tồn tại của con người, là sự tác động một cách tích cực giữa con người với hiện thực khách quan, thiết lập mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan nhằm tạo ra sản phẩm cả về phía thế giới, cả về phía con người.

Theo tâm lý học Mácxit: Cuộc sống con người là một dòng hoạt động, con người là chủ thể của các hoạt động thay thế nhau. Hoạt động là quá trình con người thực hiện các quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên, xã hội. Đó là quá trình chuyển hóa năng lực lao động và các phẩm chất tâm lý khác của bản thân thành sự vật, thành thực tế và quá trình ngược lại là quá trình tách những thuộc tính của sự vật, của thực tế quay trở về với chủ thể, biến thành vốn liếng tinh thần của chủ thể.

Chúng ta có thể hiểu hoạt động là quá trình tác động qua lại giữa con người với thế giới xung quanh để tạo ra sản phẩm về phía thế giới và cả sản phẩm về phía con người.

Trong quá trình tác động qua lại đó, có hai chiều tác động diễn ra đồng thời, thống nhất và bổ sung cho nhau:

Chiều thứ nhất là quá trình tác động của con người với tư cách là chủ thể vào thế giới (thế giới đồ vật). Chiều thứ hai là quá trình con người chuyển những cái chứa đựng trong thế giới vào bản thân mình.

Như vậy trong hoạt động, con người vừa tạo ra sản phẩm về phía thế giới, vừa tạo ra tâm lý của chính mình. Có thể nói tâm lý của con người chỉ có thể được bộc lộ, hình thành trong hoạt động và thông qua hoạt động

1.2.1.2. Giáo dục

Giáo dục (theo nghĩa rộng) là quá trình toàn vẹn hình thành nhân cách, được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch, có nội dung và phương pháp của nhà giáo dục thông qua các hoạt động và quan hệ giữa người giáo dục và người được giáo dục, nhằm truyền đạt và chiếm lĩnh những kinh nghiệm xã hội của loài người.

Giáo dục (theo nghĩa hẹp) là một bộ phận của quá trình giáo dục tổng thể; là quá trình hình thành niềm tin, lý tưởng, động cơ, tình cảm, thái độ, những nét tính cách, những hành vi, thói quen cư xử đúng đắn trong xã hội, thuộc các lĩnh vực đạo đức, lao động, tư tưởng chính trị, thẩm mỹ, vệ sinh... Chức năng trội của giáo dục (theo nghĩa hẹp) là hình thành phẩm chất đạo đức của con người.

1.2.1.3. Hoạt động giáo dục

Sự hình thành và phát triển nhân cách của con người chịu sự tác động của nhiều yếu tố như di truyền, môi trường, giáo dục và quan trọng nhất là hoạt động của cá nhân, nó quyết định trực tiếp sự hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân.

Hoạt động giáo dục thể hiện ở hai cấp độ:

Theo nghĩa rộng: Hoạt động giáo dục là loại hình giáo dục đặc thù của xã hội loài người nhằm tái sản xuất những nhu cầu và năng lực của con người để duy trì sự phát

triển của xã hội, để hoàn thiện mối quan hệ xã hội thông qua các hình thức, nội dung, biện pháp tác động có hệ thống, có phương pháp, có chủ định đến đối tượng nhằm hình thành, phát triển, hoàn thiện nhân cách trên tất cả các mặt đức, trí, thể, mỹ.

Theo nghĩa hẹp: Hoạt động giáo dục là hoạt động của nhà giáo dục được tổ chức theo kế hoạch chương trình nhằm hình thành nhân sinh quan, phẩm chất đạo đức, đồng thời bồi dưỡng thị hiếu thẩm mỹ và phát triển thể chất của học sinh thông qua hệ thống tác động sư phạm tới tư tưởng, tình cảm, lối sống của học sinh cùng kết hợp với các biện pháp giáo dục gia đình và xã hội, phát huy mặt tốt khắc phục mặt hạn chế, tiêu cực trong suy nghĩ và hành động của các em.

Trong nhà trường, hoạt động giáo dục được phân làm hai bộ phận chủ yếu:

- + Các hoạt động giáo dục trong hệ thống các môn học và các lĩnh vực học tập khác.
- + Các hoạt động giáo dục ngoài các môn học và các lĩnh vực học tập, có thể kể đến các hoạt động giáo dục trong nhà trường như: hoạt động giáo dục thể chất, trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, dân số, môi trường và hoạt động giáo dục tư tưởng – chính trị, pháp luật...

1.2.1.4. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Về khái niệm HĐGDNGLL, nhiều tác giả đã đưa ra nhiều ý kiến khác nhau:

Trong chương trình Tiểu học: “HĐGDNGLL là những hoạt động được tổ chức ngoài giờ học của các môn học ở trên lớp. HĐGDNGLL là sự tiếp nối hoạt động dạy – học trên lớp, là con đường gắn lí thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức với hành động của học sinh”.

Theo Giáo sư Đặng Vũ Hoạt: “HĐGDNGLL là việc tổ chức giáo dục thông qua hoạt động thực tiễn của học sinh về khoa học - kĩ thuật, lao động công ích, hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo, văn hóa văn nghệ, thẩm mỹ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí,... để giúp các em hình thành và phát triển nhân cách (đạo đức, năng lực, sở trường...)”.

Trong điều lệ trường tiểu học: “HĐGDNGLL bao gồm các hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao... nhằm phát triển năng lực toàn diện của học sinh và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.

Như vậy, HĐGDNGLL là những hoạt động không nằm trong thời gian dạy học trên lớp, nhưng nó là sự tiếp nối thống nhất hữu cơ với các hoạt động dạy học, tạo điều kiện gắn lí thuyết với thực hành. HĐGDNGLL bao gồm các hoạt động thực tiễn về khoa học – kĩ thuật, lao động công ích, hoạt động xã hội, hoạt động nhân văn, văn hóa nghệ thuật, hoạt động thể dục thể thao, vui chơi giải trí,... được tổ chức, thực hiện phù hợp với các yêu cầu sư phạm, để góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục và đào tạo của nhà trường phổ thông nói chung và của nhà trường tiểu học nói riêng.

1.2.2. Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

1.2.2.1. Vị trí

Nhà trường có nhiệm vụ dạy chữ và dạy người: Nếu nhà trường chỉ thực hiện hoạt động dạy - học các bộ môn văn hóa trên lớp thì nhiệm vụ dạy người sẽ không hoàn thành, vì học sinh sẽ thiếu môi trường hoạt động và giao tiếp, hạn chế về tình huống

thực tế, hạn chế về thời gian...các em hầu như không có điều kiện để trải nghiệm những kiến thức đã học vào hoạt động thực tế. Vì vậy, việc nhà trường tổ chức các hoạt động, các mối quan hệ khác nhau vào thời gian ngoài giờ lên lớp là điều kiện quan trọng để hình thành thái độ, rèn luyện hành vi, kỹ năng xã hội cho học sinh. Nói cách khác, HĐGDNGLL có vị trí rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ dạy người trong các nhà trường hiện nay.

Dưới góc độ chỉ đạo chung, vị trí của HĐGDNGLL được khẳng định tại điều 27 Điều lệ trường tiểu học và điều 24 Điều lệ trường trung học (ban hành ngày 11 tháng 7 năm 2000), là một trong hai hoạt động giáo dục trong nhà trường:

- HĐGDNGLL được tiến hành thông qua các môn bắt buộc và tự chọn...
- HĐGDNGLL do nhà trường phối hợp với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường tổ chức,...

Như vậy, HĐGDNGLL không phải là hoạt động “phụ”, hoạt động “bề nổi” mà giữ một vị trí rất quan trọng trong các hoạt động giáo dục của các nhà trường.

❖ Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là cầu nối tạo ra mối liên hệ hai chiều giữa nhà trường và xã hội.

- Thông qua HĐGDNGLL nhà trường có điều kiện phát huy vai trò tích cực của mình đối với xã hội, mở ra khả năng thuận lợi để gắn học với hành, nhà trường với xã hội thông qua việc đưa thầy và trò tham gia các hoạt động cộng đồng.
- Bằng việc đóng góp sức người, sức của của cộng đồng để tổ chức các hoạt động giáo dục, HĐGDNGLL là điều kiện và phương tiện để huy động sức mạnh cộng đồng tham gia vào quá trình đào tạo thế hệ trẻ, vào sự phát triển nhà trường.

1.2.2.2. Vai trò

Từ vị trí quan trọng nêu trên, theo các tác giả Nguyễn Đức Quang và Ngô Ngọc Quế thì HĐGDNGLL có những vai trò thể hiện ở những điểm sau:

- “Đây là dịp để học sinh củng cố tri thức đã học ở trên lớp, biến tri thức thành niềm tin. Thông qua các hình thức hoạt động cụ thể, học sinh có dịp để đối chiếu, để kiểm nghiệm tri thức đã học, làm cho những tri thức đó trở thành của chính các em.
- HĐGDNGLL là sự tiếp nối hoạt động dạy học, do đó tạo nên sự hài hòa, cân đối của quá trình sư phạm tổng thể nhằm hiện thực hóa mục tiêu giáo dục của cấp học.
- HĐGDNGLL vừa củng cố, vừa phát triển quan hệ giao tiếp giữa các lớp trong trường và với cộng đồng xã hội.
- HĐGDNGLL lớp thu hút và phát huy được tiềm năng của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh.
- HĐGDNGLL phát huy cao độ tính chủ thể, tính chủ động, tích cực của học sinh. Dưới sự cổ vũ, giúp đỡ của giáo viên, học sinh cùng nhau tổ chức các hoạt động tập thể khác nhau trong đời sống hàng ngày ở nhà trường, ngoài xã

hội. Từ đó giúp hình thành những kinh nghiệm giao tiếp, ứng xử có văn hóa, giúp cho việc hình thành và phát triển nhân cách ở các em.”

1.2.2.3. Nhiệm vụ

a. Nhiệm vụ nhận thức

- HGDNGLL lớp giúp học sinh bổ sung, củng cố và hoàn thiện những tri thức đã được học trên lớp; giúp cho các em có những hiểu biết mới, mở rộng nhân quan với thế giới xung quanh, cộng đồng xã hội.
- HGDNGLL giúp học sinh biết vận dụng những tri thức đã học để giải quyết các vấn đề do thực tiễn đời sống (tự nhiên, xã hội) đặt ra, giúp các em định hướng nghề nghiệp trong tương lai.
- HGDNGLL giúp học sinh biết tự điều chỉnh hành vi, lối sống cho phù hợp chuẩn mực đạo đức. Qua đó cũng từng bước làm giàu thêm những kinh nghiệm thực tế, xã hội cho các em.
- HGDNGLL lớp giúp học sinh có những hiểu biết tối thiểu về các vấn đề có tính thời đại như vấn đề quốc tế, hợp tác, hòa bình và hữu nghị, vấn đề bảo vệ môi sinh, môi trường, vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình, vấn đề pháp luật...

b. Nhiệm vụ rèn luyện kỹ năng

- HGDNGLL rèn luyện cho học sinh những kỹ năng giao tiếp, ứng xử có văn hóa, những thói quen tốt trong học tập, lao động công ích và trong các hoạt động khác.
- HGDNGLL rèn luyện cho học sinh các kỹ năng tự quản, trong đó có kỹ năng tổ chức, kỹ năng điều khiển và thực hiện một hoạt động tập thể có hiệu quả, kỹ năng nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động.
- HGDNGLL rèn luyện cho học sinh các kỹ năng giáo dục, tự điều chỉnh, kỹ năng hòa nhập để thực hiện tốt các nhiệm vụ do thầy cô hoặc tập thể giao cho.

c. Nhiệm vụ giáo dục thái độ

- Trước hết, HGDNGLL phải tạo cho học sinh những hứng thú và lòng ham muốn hoạt động. HGDNGLL từng bước hình thành cho học sinh niềm tin vào những giá trị mà các em phải vươn tới, đó là niềm tin vào chế độ xã hội chủ nghĩa đang đổi mới mà Bác Hồ và Đảng ta đã chọn, tin vào tiền đồ, tương lai của đất nước. Từ đó các em có lòng tự hào dân tộc, mong muốn làm đẹp thêm truyền thống của trường, của lớp, của quê hương mình, mong muốn vươn lên trở thành con ngoan, trò giỏi để trở thành công dân có ích cho xã hội mai sau.
- HGDNGLL bồi dưỡng cho học sinh những tình cảm đạo đức trong sáng, qua đó giúp các em biết kính yêu và trân trọng cái tốt, cái đẹp, biết ghét và đấu tranh với cái xấu, cái lỗi thời không phù hợp.
- HGDNGLL bồi dưỡng cho học sinh tính tích cực, tính năng động, sẵn sàng tham gia hoạt động xã hội. hoạt động tập thể của trường, của lớp vì lợi ích chung, vì sự trưởng thành và tiến bộ của bản thân.

–

1.2.3. Nội dung của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở tiểu học

1.2.3.1. Nguyên tắc lựa chọn nội dung của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Để đạt được chất lượng và hiệu quả giáo dục mong muốn, nhà trường cần phải tuân thủ một số nguyên tắc tổ chức HĐGDNGLL sau đây:

a. Nguyên tắc về tính mục đích, tính kế hoạch

Tính mục đích: Bất cứ hoạt động giáo dục nào cũng phải đạt được những mục đích nhất định, tuy nhiên thực tiễn giáo dục trong nhà trường cho thấy, mục tiêu giáo dục của các hoạt HĐGDNGLL thường bị che lấp bởi những tiêu chí mang tính thi đua, phong trào như nhà trường sẽ có giải vàng về điền kinh trong Hội khỏe Phù đồng cấp tỉnh, giải thi tìm hiểu Luật giao thông đường bộ... Vì vậy, nhà trường phải xác định mục đích của HĐGDNGLL cho cả năm học, từng học kì, từng hoạt động; trong đó cần định hướng tính đa dạng của mục tiêu giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

Tính kế hoạch: Kế hoạch sẽ định hướng và giúp cho việc tổ chức hoạt động có chất lượng và hiệu quả. Tính kế hoạch của HĐGDNGLL sẽ đảm bảo tính ổn định tương đối, tính hệ thống và tính hướng đích, không gây sự hỗn loạn và tùy tiện trong tổ chức các hoạt động của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch, nhà trường chủ động định hướng cách thức tổ chức, dự tính các nguồn lực (con người, kinh phí, cơ sở vật chất, thời gian), nội dung, hình thức cũng như qui mô hoạt động; sự chuẩn bị kế hoạch giáo dục chu đáo sẽ đem lại chất lượng, hiệu quả giáo dục mà nhà trường và xã hội mong muốn.

b. Nguyên tắc về tính tự nguyện, tự giác tham gia hoạt động

Nếu học sinh bắt buộc phải học tập các môn học trên lớp thì các em có quyền lựa chọn tham gia các HĐGDNGLL mà các em ưa thích. Nguyên tắc này đảm bảo học sinh có quyền lựa chọn tham gia các hoạt động phù hợp với khả năng, hứng thú, sức khỏe và điều kiện cụ thể của bản thân mỗi em; chỉ có như vậy, nhà trường – nhà giáo dục mới tạo được sự hứng thú, tự giác và tích cực tham gia hoạt động, phát huy được thiên hướng, khả năng của mỗi học sinh, trên cơ sở đó giúp nhà trường và gia đình hướng nghiệp học sinh phù hợp nhất.

c. Nguyên tắc tính đến đặc điểm lứa tuổi và tính cá biệt của học sinh

Trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách học sinh, mỗi lứa tuổi có những đặc điểm tâm sinh lí khác nhau, cá biệt có một số ít học sinh có những biểu hiện khác biệt trong quá trình phát triển. Nhà trường – giáo viên phải hiểu những nét đặc trưng của sự phát triển này để tổ chức hoạt động có nội dung và hình thức đáp ứng nhu cầu và phù hợp với khả năng của từng lứa tuổi học sinh. Vì vậy, giáo viên cần thường xuyên theo dõi học sinh, phát hiện những nét mới, những khả năng mới được hình thành ở các em để kịp thời đề xuất và điều chỉnh nội dung và hình thức hoạt động cho phù hợp với sự phát triển của các em trong từng giai đoạn của năm học, của cấp học.

d. Nguyên tắc kết hợp điều khiển của giáo viên với tự điều khiển hoạt động của học sinh

Trong mối quan hệ qua lại giữa giáo viên và học sinh, HĐGDNGLL thực chất là hoạt động điều khiển và tự điều khiển. giáo viên điều khiển hoạt động thông qua các bước: xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động sao cho phù hợp với đối tượng giáo dục – học sinh, làm cho các em có hứng thú tham gia hoạt động. điều khiển không có nghĩa là áp đặt theo khuôn mẫu. Người giáo viên phải biết cách tác động một cách linh hoạt theo những điều kiện và tình huống cụ thể mới có thể đạt được mục tiêu giáo dục.

Ngoài ra, sự hình thành một phẩm chất đạo đức của con người là một quá trình phức tạp đòi hỏi trong nhận thức, thái độ và hành vi của họ phải luôn có sự tự điều khiển, điều chỉnh kịp thời. Vì vậy, giáo dục chỉ có thể tạo ra và phát triển những nét phẩm chất nhân cách bền vững khi nó thực hiện được các biện pháp có tác dụng kích thích động lực bên trong học sinh.

1.2.3.2. Những nội dung của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Nội dung HĐGDNGLL rất đa dạng và phong phú, thể hiện tập trung ở các loại hình hoạt động sau đây:

❖ Hoạt động xã hội

Bước đầu dẫn dắt trẻ tiếp cận với xã hội đổi mới, đưa các em vào các hoạt động xã hội là để giúp các em nâng cao hiểu biết về con người, đất nước, xã hội... nhằm giáo dục tình cảm đối với quê hương đất nước, con người, kích thích tinh thần trách nhiệm trong trẻ việc làm từ thiện, làm nhân đạo... Những hoạt động này có liên quan tới các dịp lễ lớn, các sự kiện chính trị xã hội trong nước và quốc tế được quan tâm; các hoạt động tìm hiểu về trường thống tốt đẹp trong nhà trường, địa phương, dân tộc.

Có các hình thức hoạt động sau: Tham gia công tác từ thiện, quỹ nhi đồng, đóng góp ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, làm vệ sinh môi trường,...

❖ Hoạt động văn hóa nghệ thuật

Đây là một loại hình hoạt động không thể thiếu được trong sinh hoạt tập thể của học sinh, nhất là đối với học sinh ở bậc tiểu học. Hoạt động này là món ăn tinh thần mà trẻ em nào cũng có nhu cầu khao khát muốn hoạt động. Hoạt động này bao gồm nhiều thể loại khác nhau như: Sinh hoạt văn hóa, tổ chức các cuộc thi (nét đẹp đội viên, khéo tay hay làm,..), tổ chức tham quan, tổ chức văn nghệ...

❖ Hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục thể thao

Vui chơi giải trí là nhu cầu thiết yếu của trẻ, đồng thời là quyền lợi của các em. Công Ước Liên Hiệp Quốc về Quyền trẻ em, điều 29 khẳng định: “ Trẻ em có quyền được giải trí, sinh hoạt, vui chơi lành mạnh”. Đây là loại hoạt động có ý nghĩa giáo dục to lớn đối với học sinh tiểu học. Hoạt động này làm thỏa mãn về tinh thần cho trẻ sau những giờ học căng thẳng, mệt mỏi. Đồng thời góp phần rèn luyện một số phẩm chất như: Tính tổ chức, kỷ luật tốt, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái,...

Nội dung của hoạt động vui chơi giải trí phải nhẹ nhàng, ngắn gọn, dễ hiểu, có tác dụng kích thích sự hưng phấn của học sinh. Hoạt động này có thể áp dụng một số trò chơi sau:

- Đứng ngồi theo lệnh (rèn khả năng tập trung)
- Nhóm ba, nhóm bảy (rèn phản xạ, tinh thần tập thể)
- Tập tầm vông (rèn kĩ năng phán đoán)
- Sáng tối (rèn kĩ năng phản xạ nhanh, khả năng quan sát, hài hước)
- Chuyên bóng tiếp sức (rèn sự nhanh nhẹn, khéo léo và sự phối hợp)...

❖ *Hoạt động khoa học, kĩ thuật*

Là hoạt động giúp trẻ tiếp cận được với những thành tựu khoa học, kĩ thuật, công nghệ tiên tiến. Trên cơ sở những kiến thức đã tiếp thu được trên lớp, các em vận dụng vào cuộc sống hàng ngày. Nhờ đó sẽ củng cố kiến thức đã học, đồng thời mở rộng tầm hiểu biết đối với thế giới xung quanh, làm cho các em tiếp thu được những biến đổi của quê hương, đất nước. Điều này sẽ tạo cho các em sự say mê tìm tòi, kích thích các em học tập tốt hơn. Những hoạt động này có thể là sưu tầm bài toán vui, tham gia sinh hoạt câu lạc bộ khoa học...

❖ *Hoạt động lao động công ích*

Là một hoạt động đặc trưng của HĐGDNGLL. Trẻ cần phải được lao động. Ngoài giờ lao động chính khóa, các em cần được tham gia lao động mang tính lợi ích xã hội. Thông qua hoạt động công ích sẽ giúp các em gắn với đời sống xã hội. Lao động công ích giúp trẻ vận dụng kiến thức vào thực tiễn như: Vệ sinh lớp học, sân trường; làm đẹp bồn hoa, cây cảnh cho trường, lớp...

Ngoài các hoạt động nêu trên, HĐGDNGLL còn có những hoạt động khác, chúng ta có thể lựa chọn tùy theo trình độ, điều kiện, cơ sở vật chất, con người, không gian, thời gian,... để tổ chức sao cho phù hợp.

1.2.4. Một số hình thức tổ chức cơ bản của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

1.2.4.1. Tiết chào cờ đầu tuần

a. Vị trí

Tiết chào cờ đầu tuần (còn gọi là sinh hoạt dưới cờ) là thời điểm mở đầu của một tuần mới, một tháng học mới, một chủ điểm giáo dục mới. Nó có tính chất định hướng hoạt động cho một tuần, một tháng trên cơ sở khắc phục những mặt còn tồn tại của tuần qua, tiếp tục phát huy những ưu điểm đã có, tạo ra sự thống nhất hoạt động giữa các lớp trong trường.

b. Yêu cầu giáo dục

Giúp học sinh đạt những yêu cầu sau:

- Khắc sâu ý thức đối với Tổ quốc, Đảng, Bác Hồ; xây dựng ý thức và động cơ đạo đức chính trị đúng đắn, xác định được trách nhiệm của mình là học tập vì Tổ quốc, biến ý thức đó thành hành động thực tiễn.
- Định hướng vào những yêu cầu trọng tâm của nhà trường trong từng thời điểm, gây khí thế mới thúc đẩy học sinh thi đua rèn luyện.
- Phát huy tính tự giác và khả năng tự quản của học sinh trong các hoạt động dưới cờ như khả năng điều khiển hoạt động, khả năng đánh giá thi đua, khả năng nắm tình hình tham gia của các lớp,...

c. Nội dung của tiết chào cờ đầu tuần

Với vị trí như trên, tiết chào cờ đầu tuần thực hiện những nội dung chủ yếu sau:

Phản ánh kết quả thi đua sau một tuần hay sau một tháng thi đua của trường, của các lớp cũng như những cá nhân có nhiều tiến bộ, nội dung này có tác dụng động viên, kích thích, gây khí thế mới trong hoạt động hàng ngày, hàng tuần của học sinh.

Những sự kiện chính trị - xã hội diễn ra trong tuần, trong tháng có liên quan trực tiếp đến những yêu cầu của chủ điểm giáo dục hoặc phản ánh sự hưởng ứng của nhà trường đối với những hoạt động của địa phương, của xã hội.

Những vấn đề có tính toàn cầu cũng là nội dung của tiết chào cờ

Các hoạt động vui chơi, văn hóa nghệ thuật... cũng được đưa vào tiết chào cờ với nội dung và hình thức phù hợp học sinh.

1.2.4.2. Tiết hoạt động tập thể cuối tuần

a. Vị trí

Tiết hoạt động tập thể cuối tuần (hay còn gọi là tiết sinh hoạt lớp) là một hình thức tổ chức của HĐGDNGLL, là hoạt động của tập thể học sinh sau một tuần do các em tự tổ chức và điều khiển. Trong tiết này, giáo viên chủ nhiệm giữ vai trò cố vấn giúp đỡ học sinh, cùng các em tham gia vào những hoạt động cụ thể.

b. Yêu cầu giáo dục

Giúp học sinh:

- Có những hiểu biết cần thiết về tập thể, về vai trò và nhiệm vụ của bản thân trong việc đóng góp xây dựng tập thể.
- Nâng cao tính tích cực, tự giác trong các hoạt động tập thể, có ý thức phấn đấu cho danh dự của lớp, của trường, cho truyền thống tốt đẹp của tập thể, có ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có ý thức hợp tác, phê bình và tự phê bình.
- Hình thành một số kĩ năng xây dựng tập thể, về tự quản như kĩ năng tổ chức, kĩ năng điều khiển và tham gia các hoạt động tập thể, kĩ năng đánh giá và tự đánh giá.

c. Nội dung của tiết hoạt động tập thể cuối tuần

Từ vị trí của tiết, có thể xây dựng những nội dung hoạt động sau đây:

Đánh giá các công việc thực trong tuần về mọi mặt bao gồm: học tập, thực hiện nội quy nhà trường, các phong trào thi đua, vấn đề kỉ luật, các sự kiện, sự việc có liên quan đến tinh thần và ý thức phấn đấu của lớp.

Tổ chức đăng kí thi đua giữa các tổ học sinh, giữa các thành viên trong lớp theo một chủ đề nào đó.

Tiến hành sơ kết, tổng kết thi đua sau một tuần, một tháng hay sau một đợt thi đua hoặc sau một học kì, một năm học.

Các sinh hoạt theo chủ đề thường gắn với các ngày kỉ niệm lớn, gắn với các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở trong nước và trên thế giới; những sự kiện của địa phương, của nhà trường hay của tập thể lớp.

Các hoạt động văn hóa nghệ thuật như: Biểu diễn văn nghệ, vui chơi giải trí, thi đồ vui...

1.2.4.3. Hoạt động giáo dục theo chủ điểm

a. Yêu cầu giáo dục

Các hoạt động theo chủ điểm nhằm đạt các yêu cầu sau:

- Giúp học sinh có những hiểu biết cần thiết về truyền thống lịch sử, truyền thống lịch sử, truyền thống cách mạng của dân tộc, về thực tiễn xây dựng đất nước gắn với nhiệm vụ của người học sinh.
- Bồi dưỡng lòng tự hào, niềm tin vào Đảng, vào sự phát triển của dân tộc; giáo dục lòng biết ơn các thế hệ cha anh đã xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng động cơ ý thức học tập đúng đắn, xứng đáng là thế hệ tiếp bước cha anh phát huy truyền thống dân tộc.
- Hình thành và rèn luyện cho học sinh một số kỹ năng tổ chức và điều khiển các hoạt động của tập thể.

b. Nội dung và hình thức tổ chức

Căn cứ vào các ngày kỉ niệm, ngày lễ của dân tộc trong một tháng, trong cả năm học để lựa chọn nội dung và hình thức hoạt động. Trong một tháng có thể có nhiều ngày kỉ niệm. Vì vậy cần chọn ngày kỉ niệm nào phù hợp với phong trào của xã hội để tổ chức hoạt động cho học sinh, đồng thời thỏa mãn chương trình HĐGDNGLL đã được ban hành. Mặt khác, căn cứ vào yêu cầu giáo dục trọng tâm của nhà trường trong tháng đó để bố trí những hình thức hoạt động đáp ứng được các yêu cầu này.

1.2.5. Đặc điểm của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở Tiểu học

HĐGDNGLL có những đặc điểm sau đây:

- Đó là những hoạt động không nằm trong thời gian dạy học, nhưng được tổ chức một cách có kế hoạch theo kế hoạch đào tạo chung của nhà trường, hướng vào mục đích giáo dục đạo đức và phát triển toàn diện nhân cách học sinh.
- HĐGDNGLL có sự mở rộng về không gian, thời gian nhiều hơn so với hoạt động trong giờ lên lớp. Do đó, hoạt động này không bị bó hẹp trong các tiết học, buổi học.
- HĐGDNGLL gắn bó chặt chẽ với hoàn cảnh sống, học tập và sinh hoạt của học sinh. Vì vậy, nó mang đậm tính xã hội.
- HĐGDNGLL liên quan nhiều hơn đến các yếu tố xã hội. Điều đó thể hiện ở lực lượng và thành phần tham gia, mục đích, phạm vi, kết quả hoạt động...
- HĐGDNGLL coi giáo viên với tư cách là nhà giáo dục có vai trò tổ chức, lãnh đạo, điều khiển, điều chỉnh hoạt động,...
- HĐGDNGLL đề cao vai trò chủ thể của học sinh với tư cách là một thành viên của tập thể, xã hội.
- HĐGDNGLL gắn bó chặt chẽ với hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp.

1.3. Một số vấn đề cơ bản về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL

1.3.1. Mục tiêu, ý nghĩa của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh

1.3.1.1. Mục tiêu

Theo tác giả Nguyễn Sinh Huy và theo các tài liệu bồi dưỡng thường xuyên về HĐGDNGLL thì mọi hoạt động giáo dục được tổ chức trong nhà trường đều nhằm thực hiện mục tiêu hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh, giúp học sinh lĩnh hội hệ thống tri thức khoa học, rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo cần thiết, phát triển tư duy sáng tạo và nhân cách.

❖ *Mục tiêu của chương trình HĐGDNGLL đặt ra là:*

- *Về nhận thức:* Giúp học sinh nâng cao hiểu biết về các giá trị truyền thống của dân tộc, hiểu và tiếp thu các giá trị tốt đẹp của nhân loại; củng cố, bổ sung, nâng cao và mở rộng kiến thức đã được học trên lớp; có trách nhiệm với bản thân, với gia đình, nhà trường và xã hội; có ý thức lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân.
- *Về kỹ năng:* Giúp học sinh củng cố vững chắc các kỹ năng cơ bản đã được rèn luyện từ những lớp trước, trên cơ sở đó tiếp tục rèn luyện và phát triển các năng lực chủ yếu như: Năng lực giao tiếp, năng lực thích ứng, năng lực tự hoàn thiện, năng lực tổ chức quản lý, năng lực hoạt động chính trị - xã hội, năng lực hợp tác và cạnh tranh lành mạnh ...
- *Về thái độ:* Bồi dưỡng cho các em nhân sinh quan, thế giới quan khoa học để từ đó có thái độ đúng đắn trước những vấn đề của cuộc sống, biết chịu trách nhiệm về hành vi của bản thân và đấu tranh tích cực với những biểu hiện sai trái của người khác, của bản thân để hoàn thiện mình; biết cảm thụ và đánh giá đúng cái đẹp trong cuộc sống.

1.3.1.2. Ý nghĩa

Quá trình giáo dục không những được thực hiện qua các hoạt động giáo dục trên lớp mà còn qua các HĐGDNGLL. Việc tổ chức HĐGDNGLL với những hình thức đa dạng và phong phú cho học sinh ở lứa tuổi này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển nhân cách của các em. Đây là môi trường gắn liền lí luận với thực tiễn, tạo điều kiện sử dụng kiến thức, kinh nghiệm tri thức đã học để hình thành kỹ năng, kỹ xảo, kích thích phát triển tư duy.

HĐGDNGLL tạo điều kiện để học sinh hòa nhập vào cuộc sống xã hội. Chính HĐGDNGLL đã bước đầu đặt học sinh trước những vấn đề của thời đại, của xã hội, của đất nước cũng như những thách thức thực tiễn mà các em sẽ phải tiếp cận và đối mặt... Từ thực tế đó các em hiểu được sâu sắc hơn sự cần thiết phải chuẩn bị cho mình hành trang để đảm đương trách nhiệm làm chủ bản thân, chủ nhân tương lai của đất nước, của xã hội đang ngày càng phát triển.

1.3.2. Mục đích giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL

Qua các HĐNGLL giúp học sinh lớp 4, 5:

- Có kỹ năng ứng xử thân thiện trong mọi tình huống, có thói quen và kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hoạt động xã hội, có khả năng làm chủ bản thân, thích ứng và biết cách ứng phó trước những tình huống khó khăn trong cuộc sống hàng ngày, có thói quen rèn luyện sức khỏe, ý thức bảo vệ bản thân, phòng ngừa tai nạn giao thông, đuối nước và các tệ nạn xã hội.

- Rèn kĩ năng sống có trách nhiệm với bản thân, bạn bè, gia đình và cộng đồng. Có thái độ lên án và kiên quyết bài trừ mọi hành vi bạo lực, tiêu cực; rèn kĩ năng ứng xử văn hóa, ý thức chung sống thân thiện, giải quyết hợp lí các tình huống mâu thuẫn, xung đột.
- Mở ra cho học sinh những cơ hội, những hướng suy nghĩ tích cực và tự tin; giúp các em tự quyết định và lựa chọn những hành vi đúng đắn trước các vấn đề của cuộc sống để sống chủ động, tích cực, an toàn, hài hòa và lành mạnh.

1.3.3. Nội dung giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL

1.3.3.1. Nội dung giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5

Dựa trên cơ sở phân tích kinh nghiệm quốc tế và thực trạng giáo dục KNS ở Việt Nam những năm qua, các nhà nghiên cứu và giáo dục học đã đề xuất nội dung giáo dục KNS cho học sinh tiểu học bao gồm các KNS cơ bản, cần thiết như:

- *Kĩ năng tự nhận thức*: là khả năng và những cách thức con người sử dụng để nhận biết, hiểu được, đánh giá được về bản thân: điểm mạnh, điểm yếu, khả năng, tính cách, sở thích, mong muốn... Từ đó, giúp cho con người có thể nhìn vào chiều sâu nội tâm và các giá trị tinh thần, tình cảm, đạo đức để hiểu được nhu cầu, mục tiêu, khát vọng của chính mình, hiểu được bản thân trong mối quan hệ với người khác và với thế giới xung quanh.
- *Kĩ năng xác định giá trị*: là khả năng con người hiểu được những giá trị của bản thân mình, giúp người ta biết tôn trọng người khác, biết chấp nhận rằng người khác có những giá trị niềm tin khác.
- *Kĩ năng kiểm soát cảm xúc*: là khả năng con người hiểu rõ cảm xúc của mình trong một tình huống nào đó và hiểu được ảnh hưởng của cảm xúc đối với bản thân và người khác như thế nào, đồng thời biết cách điều chỉnh và thể hiện cảm xúc một cách phù hợp.
- *Kĩ năng ứng phó với căng thẳng*: là khả năng, cách thức con người nhận biết, xử lí một cách tích cực, hiệu quả những thay đổi, những tình huống gây ra căng thẳng cho bản thân, để bản thân trở lại trạng thái cân bằng, hài hòa cả về thể chất và tinh thần.
- *Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ*: là khả năng nhận biết được nhu cầu cần giúp đỡ, biết địa chỉ hỗ trợ đáng tin cậy; biết tìm đến các địa chỉ đó và bày tỏ nhu cầu cần giúp đỡ một cách phù hợp để có được những lời khuyên, sự can thiệp cần thiết để tháo gỡ, giải quyết những vấn đề, tình huống của mình; đồng thời là cơ hội để chúng ta chia sẻ, giải bày khó khăn, giảm bớt được căng thẳng tâm lí do bị dồn nén cảm xúc.
- *Kĩ năng thể hiện tự tin*: là có niềm tin vào bản thân, tự hài lòng với bản thân, tin rằng mình có thể trở thành người có ích và tích cực, có niềm tin vào tương lai, cảm thấy có nghị lực để hoàn thành nhiệm vụ.
- *Kĩ năng giao tiếp*: là khả năng có thể bày tỏ ý kiến của bản thân theo hình thức nói, viết hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể phù hợp với hoàn cảnh và văn hóa, đồng

thời biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác ngay cả khi bất đồng quan điểm.

- *Kỹ năng lắng nghe tích cực*: là biết tập trung chú ý và thể hiện sự quan tâm lắng nghe ý kiến hoặc phần trình bày của người khác (bằng các cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt, nét mặt, nụ cười), biết cho ý kiến phản hồi mà không vội đánh giá, đồng thời có đối đáp hợp lý trong quá trình giao tiếp.
- *Kỹ năng thể hiện sự cảm thông*: là khả năng có thể hình dung và đặt mình trong hoàn cảnh khác, giúp chúng ta hiểu và chấp nhận người khác vốn là những người rất khác mình, qua đó chúng ta có thể hiểu cảm xúc và tình cảm của người khác và thông cảm với hoàn cảnh và nhu cầu của họ.
- *Kỹ năng thương lượng*: là khả năng trình bày suy nghĩ, phân tích và giải thích, đồng thời có thảo luận để đạt được một sự điều chỉnh và thống nhất về cách suy nghĩ, cách làm hoặc một vấn đề nào đó.
- *Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn*: là khả năng con người nhận thức được nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn và giải quyết những mâu thuẫn đó với thái độ tích cực, không dùng bạo lực, thỏa mãn được nhu cầu và quyền lợi các bên và giải quyết quan hệ giữa các bên một cách hòa bình.
- *Kỹ năng hợp tác*: là khả năng cá nhân biết chia sẻ trách nhiệm, biết cam kết và cùng làm việc có hiệu quả với những thành viên khác trong nhóm.
- *Kỹ năng tư duy, phê phán*: Là khả năng phân tích một cách khách quan và toàn diện các vấn đề, sự vật, hiện tượng... xảy ra. Kỹ năng tư duy phê phán rất cần thiết để con người có thể đưa ra được những quyết định, những hành động phù hợp.
- *Kỹ năng tư duy sáng tạo*: là khả năng nhìn nhận và giải quyết vấn đề theo một cách mới, với ý tưởng mới, theo phương thức mới, cách sắp xếp và tổ chức mới, là khả năng khám phá và kết nối mối quan hệ giữa các khái niệm, ý tưởng, quan niệm, sự việc độc lập trong suy nghĩ.
- *Kỹ năng ra quyết định*: là khả năng của cá nhân biết quyết định, lựa chọn phương pháp tối ưu để giải quyết về vấn đề hoặc tình huống gặp phải trong cuộc sống một cách kịp thời
- *Kỹ năng giải quyết vấn đề*: là khả năng của cá nhân biết quyết định lựa chọn phương pháp tối ưu và hành động theo phương án đã chọn để giải quyết vấn đề hoặc tình huống gặp phải trong cuộc sống.
- *Kỹ năng kiên định*: là khả năng con người nhận thức được những gì mình muốn có, lý do dẫn đến sự mong muốn đó và tiến hành các bước cần thiết để đạt được những gì mình muốn trong hoàn cảnh cụ thể, dung hòa được giữa quyền, nhu cầu của mình và quyền, nhu cầu của người khác. Kiên định sẽ giúp chúng ta bảo vệ được chính kiến, quan điểm, thái độ và những quyết định của bản thân, đứng vững trước những áp lực tiêu cực của những người xung quanh.
- *Kỹ năng đảm nhận trách nhiệm*: là khả năng con người thể hiện sự tự tin, chủ động và ý thức cùng chia sẻ công việc với các thành viên trong nhóm.

- *Kĩ năng đặt mục tiêu*: là khả năng con người biết đề ra mục tiêu cho bản thân trong cuộc sống cũng như lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu đó.
- *Kĩ năng quản lí thời gian*: là khả năng con người sắp xếp các công việc theo thứ tự ưu tiên, biết tập trung vào giải quyết công việc trọng tâm trong một thời gian nhất định.
- *Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin*: là khả năng con người có thể có được những thông tin cần thiết một cách đầy đủ, khách quan, chính xác và kịp thời.

Trên đây là các KNS được đề xuất. Tuy nhiên, trong quá trình giáo dục KNS cho học sinh, giáo viên cần lựa chọn các KNS cơ bản và cần thiết để giáo dục cho học sinh sao cho phù hợp với đặc điểm và điều kiện của địa phương, vùng miền nơi học sinh đang sinh sống.

1.3.3.2. Nội dung giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HDNGLL

HDNGLL bao gồm các hoạt động xã hội – chính trị, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, tạo hứng thú khoa học – kĩ thuật, lao động công ích, vui chơi giải trí.

Tùy vào đặc trưng của từng loại hình hoạt động mà chúng ta hình thành cho học sinh những KNS thích hợp. Cụ thể:

- *Hoạt động xã hội – chính trị*: Những hoạt động này có liên quan đến những dịp kỉ niệm, các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị, xã hội trong nước và quốc tế đang được quan tâm; các hoạt động tìm hiểu truyền thống tốt đẹp của nhà trường, của địa phương, dân tộc; các hoạt động nhân đạo, từ thiện, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa như: tham quan các khu di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh của địa phương; thăm hỏi giúp đỡ người già, người tàn tật... Qua các hoạt động này, giáo dục cho học sinh các KNS như: Kĩ năng tìm kiếm và xử lí thông tin, kĩ năng đảm nhận trách nhiệm, kĩ năng thể hiện sự thông cảm.
- *Hoạt động văn hóa nghệ thuật*: Nội dung của hoạt động văn hóa, nghệ thuật hướng vào việc giáo dục cho học sinh có được những hiểu biết, những tình cảm chân thành đối với quê hương, đất nước, con người với thiên nhiên và cả chính bản thân mình. Nội dung của hoạt động văn hóa, nghệ thuật thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thi nét đẹp đội viên, trình diễn thời trang, cắm trại... Qua các hoạt động này, góp phần hình thành cho các em kĩ năng mạnh dạn, tự tin trước đám đông, kĩ năng giao tiếp,... Đây là một trong những kĩ năng rất quan trọng trong xu thế toàn cầu hóa.
- *Hoạt động thể dục thể thao*: Hoạt động thể dục thể thao diễn ra với nhiều hình thức như: thể dục giữa giờ, thể dục nhịp điệu, thi đấu cờ vua, cầu lông, bóng đá, bơi lội... Qua các hoạt động này, rèn luyện cho các em một số KNS như: Kĩ năng thể hiện sự tự tin khi thể hiện bài tập hoặc phần thi của mình, kĩ năng hợp tác với các bạn trong nhóm, kĩ năng thương lượng, kĩ năng quản lí thời gian,...
- *Hoạt động tạo hứng thú khoa học – kĩ thuật*: Nội dung của loại hình hoạt động này nhằm tạo hứng thú và niềm say mê tìm tòi cái mới trong học tập, ứng dụng những kiến thức của học sinh vào thực tế. Đó là các hoạt động của các câu lạc bộ

theo chuyên đề, tìm hiểu về xã hội, khoa học, về các danh nhân, những tấm gương sáng trong học tập và lao động... nhằm tạo điều kiện cho các em quen với việc nghiên cứu khoa học và rèn luyện kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng tự xác định giá trị, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ,...

- *Hoạt động lao động công ích:* Ở hoạt động này, học sinh tham gia giữ gìn và bảo vệ môi trường, cảnh quan nhà trường, đường phố,... bằng việc hữu ích, thiết thực phù hợp với khả năng và hứng thú của các em như: trực nhật, vệ sinh lớp học, sân trường, chăm sóc bồn hoa, cây cảnh; tham gia dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm,... giúp các em thích nghi với cuộc sống xung quanh, yêu quý lao động, có kỹ năng tự phục vụ và kỹ năng đảm nhận trách nhiệm.
- *Hoạt động vui chơi, giải trí:* Vui chơi giải trí là hoạt động giúp học sinh thư giãn sau những giờ học căng thẳng, có tác dụng kích thích sự hưng phấn của học sinh như: các trò chơi vận động, trò chơi dân gian, hội chợ,... Các hoạt động này ngoài việc làm thỏa mãn về tinh thần cho học sinh mà còn góp phần rèn luyện cho học sinh phẩm chất như: tinh tổ chức kỷ luật, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái và rèn các KNS như: Kỹ năng hợp tác, kỹ năng nhận thức, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, kỹ năng giải quyết vấn đề,...

Tóm lại, HĐGDNGLL với các hoạt động đa dạng, phong phú là điều kiện thuận lợi để giáo dục KNS cho học sinh, trong quá trình giáo dục tùy theo đặc trưng của từng loại hình hoạt động mà giáo viên lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp để giáo dục KNS cho học sinh.

1.3.4. Vai trò của HĐNGLL đối với việc giáo dục KNS cho học sinh lớp 4, 5

Có rất nhiều con đường để hình thành KNS cũng như hình thành nhân cách cho học sinh. Tuy nhiên HĐNGLL vẫn là hoạt động tạo điều kiện cho các em có cơ hội rèn luyện, trải nghiệm và thực hành nhiều nhất. Ngoài ra, HĐNGLL góp phần hình thành và phát triển ở học sinh những thái độ, xúc cảm, tình cảm đúng đắn, rèn cho các em những KNS mà việc dạy học trên lớp không có điều kiện để thực hiện.

Việc giáo dục KNS cho học sinh thông qua HĐNGLL tạo điều kiện cho học sinh tiếp xúc và mở rộng ứng dụng thực tế, trải nghiệm được nhiều vấn đề trong các hoạt động xã hội để từ đó giúp các em hình thành và phát triển các KNS cần thiết trong cuộc sống.

Do đó, giáo dục KNS cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL là con đường tốt nhất để hiện thực hóa phương châm “ học đi đôi với hành”, giúp các em biến những tri thức đã tiếp thu được thành những thái độ, hành vi đúng đắn và những thói quen tích cực, lành mạnh.

1.3.5. Tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

- *Về mặt sức khỏe:* Xây dựng hành vi sức khỏe lành mạnh cho cá nhân và cộng đồng; biết giải quyết nhu cầu cá nhân, cần thiết cho sự phát triển cho sự phát triển, tự bảo vệ sức khỏe cá nhân và cộng đồng

- *Về mặt giáo dục:* Tạo mối quan hệ tốt giữa thầy và trò, giữa bạn với bạn; tạo hứng thú trong học tập; chủ động, tự giác trong học tập, tu dưỡng theo những chuẩn mực đạo đức của xã hội.
- *Về mặt văn hóa xã hội:* Xây dựng hành vi mang tính xã hội tích cực, xây dựng môi trường và xã hội lành mạnh; sống hòa hợp trong một xã hội văn hóa đa dạng, có nền kinh tế phát triển, đất nước hội nhập quốc tế.
- *Về mặt kinh tế, chính trị:* Tự nhận thức nhu cầu và quyền trẻ em; xác định nghĩa vụ của mình đối với bản thân, gia đình và xã hội, góp phần ổn định chính trị quốc gia.

1.4. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh lớp 4, 5

1.4.1. Đặc điểm về cơ thể

Học sinh tiểu học có hệ xương còn đang trong thời kỳ phát triển nên dễ bị cong vẹo, gầy dẹt,... Chính vì thế, trong các hoạt động vui chơi của các em, cha mẹ và thầy cô cần phải chú ý quan tâm, hướng các em tới các hoạt động vui chơi lành mạnh, an toàn.

Hệ cơ đang trong thời kỳ phát triển mạnh nên các em rất thích các trò chơi vận động như chạy, nhảy, nô đùa,... Vì vậy mà các nhà giáo dục nên đưa các em vào các trò chơi vận động từ mức độ đơn giản đến phức tạp và đảm bảo sự an toàn cho trẻ.

Hệ thần kinh cấp cao đang hoàn thiện về mặt chức năng, tư duy của các em chuyển dần từ trực quan hành động sang tư duy hình tượng, tư duy trừu tượng. Do đó, các em rất hứng thú với các trò chơi trí tuệ như đồ vui trí tuệ, các cuộc thi trí tuệ,... Dựa vào cơ sinh lý này mà các nhà giáo dục nên cuốn hút các em với các câu hỏi mang tính phát triển tư duy.

1.4.2. Đặc điểm về hoạt động và môi trường sống

1.4.2.1. Đặc điểm về hoạt động

Nếu như ở bậc mầm non hoạt động chủ đạo của trẻ là vui chơi, thì đến tuổi tiểu học hoạt động chủ đạo của trẻ đã có sự thay đổi về chất, chuyển từ hoạt động vui chơi sang hoạt động học tập. Tuy nhiên, song song với hoạt động học tập ở các em còn diễn ra các hoạt động khác như:

- *Hoạt động vui chơi:* Trẻ thay đổi đối tượng vui chơi từ chơi với đồ vật sang các trò chơi vận động.
- *Hoạt động lao động:* Trẻ bắt đầu tham gia lao động tự phục vụ bản thân và gia đình như tắm giặt, nấu cơm, quét dọn nhà cửa,... Ngoài ra, trẻ còn tham gia lao động tập thể ở trường lớp như trực nhật, trồng cây, trồng hoa,...
- *Hoạt động xã hội:* Các em đã bắt đầu tham gia vào các phong trào của trường, của lớp và của cộng đồng dân cư, của Đội thiếu niên Tiền phong,...

1.4.2.2. Đặc điểm về môi trường sống

a. Trong gia đình

Các em luôn cố gắng là một thành viên tích cực, có thể tham gia các công việc trong gia đình. Điều này được thể hiện rõ nhất trong các gia đình neo đơn, hoàn cảnh,

các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn,...các em phải tham gia lao động sản xuất cùng gia đình từ rất nhỏ.

b. Trong nhà trường

Do nội dung, tích chất, mục đích của các môn học đều thay đổi so với bậc mầm non đã kéo theo sự thay đổi ở các em về phương pháp, hình thức, thái độ học tập. Các em đã bắt đầu tập trung chú ý và có ý thức học tập tốt.

c. Ngoài xã hội

Các em đã tham gia vào một số các hoạt động xã hội mang tính tập thể. Đặc biệt là các em muốn thừa nhận mình là người lớn, muốn được nhiều người biết đến mình. Biết được những đặc điểm nêu trên thì cha mẹ và thầy cô phải tạo điều kiện giúp đỡ trẻ phát huy những khả năng tích cực của các em trong công việc gia đình, quan hệ xã hội và đặc biệt là trong học tập.

1.4.3. Đặc điểm về nhận thức

1.4.3.1. Tri giác

Đối với học sinh lớp 4, 5, về cơ bản các em đã nắm được kĩ thuật tri giác, phân biệt được những dấu hiệu chủ yếu, quan trọng của sự vật. Tuy nhiên, tri giác của các em vẫn mang tính đại thể, ít đi vào chi tiết nếu không có sự hướng dẫn cụ thể. Nhận thấy điều này chúng ta cần phải thu hút trẻ bằng các hoạt động mới, mang màu sắc, tích chất đặc biệt khác lạ so với bình thường, khi đó sẽ kích thích trẻ cảm nhận, tri giác tích cực và chính xác.

1.4.3.2. Chú ý

Ở giai đoạn này, các em đã dần hình thành kĩ năng tổ chức, điều chỉnh chú ý của mình. Chú ý có chủ định phát triển dần và chiếm ưu thế, ở trẻ đã có sự nỗ lực về ý chí trong hoạt động học tập như học thuộc một bài thơ, một công thức toán hay một bài hát dài,... Vì vậy giáo viên nên giao cho học sinh những công việc hay hoạt động đòi hỏi sự chú ý của trẻ và nên giới hạn về mặt thời gian. Chú ý áp dụng linh động theo từng đối tượng học sinh trong lớp, điều này là vô cùng quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả giáo dục trẻ.

1.4.3.3. Trí nhớ

Ở giai đoạn đầu tiểu học, loại trí nhớ trực quan hình tượng chiếm ưu thế hơn trí nhớ từ ngữ – lôgic. Giai đoạn lớp 4, 5 ghi nhớ có ý nghĩa và ghi nhớ từ ngữ được tăng cường. Ghi nhớ có chủ định đã phát triển. Tuy nhiên, hiệu quả của việc ghi nhớ có chủ định còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mức độ tích cực tập trung trí tuệ của các em, sức hấp dẫn của nội dung tài liệu, yếu tố tâm lý tình cảm hay hứng thú của các em... Nắm được điều này, các nhà giáo dục phải giúp các em biết cách khái quát hóa và đơn giản mọi vấn đề, giúp các em xác định đâu là nội dung quan trọng cần ghi nhớ, các từ ngữ dùng để diễn đạt nội dung cần ghi nhớ phải đơn giản dễ hiểu, dễ nắm bắt, dễ thuộc và đặc biệt phải hình thành ở các em tâm lý hứng thú và vui vẻ khi ghi nhớ kiến thức.

1.4.3.4. Tư duy

Tư duy mang đậm màu sắc xúc cảm và chiếm ưu thế ở tư duy trực quan hành động. Các phẩm chất tư duy chuyển dần từ tính cụ thể sang tư duy trừu tượng khái

quát. Khả năng khái quát hóa phát triển dần theo lứa tuổi, lớp 4, 5 bắt đầu biết khái quát hóa lý luận. Tuy nhiên, hoạt động phân tích, tổng hợp kiến thức còn sơ đẳng ở phần đông học sinh tiểu học.

1.4.3.5. *Tưởng tượng*

Ở cuối tuổi tiểu học, tưởng tượng tái tạo đã bắt đầu hoàn thiện, từ những hình ảnh cũ trẻ đã tái tạo ra những hình ảnh mới. Tưởng tượng sáng tạo tương đối phát triển ở giai đoạn cuối tuổi tiểu học, trẻ bắt đầu phát triển khả năng làm thơ, làm văn, vẽ tranh,... Đặc biệt, tưởng tượng của các em trong giai đoạn này bị chi phối mạnh mẽ bởi các xúc cảm, tình cảm, những hình ảnh, sự việc, hiện tượng đều gắn liền với các rung động tình cảm của các em. Qua đây, các nhà giáo dục phải phát triển tư duy và trí tưởng tượng của các em bằng cách biến các kiến thức "khô khan" thành những hình ảnh có cảm xúc, đặt ra cho các em những câu hỏi mang tính gợi mở, thu hút các em vào các hoạt động nhóm, hoạt động tập thể để các em có cơ hội phát triển quá trình nhận thức lý tính của mình một cách toàn diện.

1.4.3.6. *Ngôn ngữ*

Hầu hết học sinh tiểu học có ngôn ngữ nói thành thạo. Đến lớp 4, 5 thì ngôn ngữ viết đã thành thạo và bắt đầu hoàn thiện về mặt ngữ pháp, chính tả và ngữ âm. Nhờ có ngôn ngữ phát triển mà trẻ có khả năng tự đọc, tự học, tự nhận thức thế giới xung quanh và tự phá bản thân thông qua các kênh thông tin khác nhau. Khi tham gia các hoạt động NGLL các em sẽ có cơ hội phát triển về mặt ngôn ngữ, tăng cường khả năng hợp tác cũng như phát triển ngôn ngữ.

1.4.4. *Đặc điểm về nhân cách*

1.4.4.1. *Tính cách*

Nét tính cách của trẻ đang dần được hình thành, đặc biệt trong môi trường nhà trường còn mới lạ, trẻ có thể nhút nhát, rụt rè, cũng có thể sôi nổi, mạnh dạn... Ở lớp 4, 5, "tính cách học đường" mới dần ổn định và bền vững ở trẻ. Cha mẹ hay thầy cô giáo tuyệt đối không được "chụp mũ" nhân cách của trẻ, trái lại phải dùng những lời lẽ nhẹ nhàng mang tính gợi mở và chờ đợi, phải hướng trẻ đến với những hình mẫu nhân cách tốt đẹp mà không đâu xa, chính cha mẹ và thầy cô là những hình mẫu nhân cách ấy.

1.4.4.2. *Xúc cảm – tình cảm*

Tình cảm của học sinh tiểu học mang tính cụ thể trực tiếp và luôn gắn liền với các sự vật hiện tượng sinh động, rực rỡ,... Khả năng kiềm chế xúc cảm của trẻ còn non nớt, trẻ dễ xúc động và cũng dễ nổi giận, biểu hiện cụ thể là trẻ dễ khóc mà cũng nhanh cười, rất hồn nhiên vô tư... Có thể nói tình cảm của trẻ chưa bền vững, dễ thay đổi (tuy vậy so với tuổi mầm non thì tình cảm của trẻ tiểu học đã "người lớn" hơn rất nhiều). Chính vì thế, việc giáo dục tình cảm cho học sinh tiểu học thông qua HĐ GD NGLL cần ở người giáo viên sự khéo léo, tế nhị khi tác động đến các em; nên dẫn dắt các em đi từ hình ảnh trực quan sinh động, hấp dẫn và đặc biệt phải luôn chú ý củng cố tình cảm cho các em thông qua các hoạt động cụ thể như trò chơi nhập vai, đóng các tình huống cụ thể, các hoạt động tập thể ở trường lớp, khu dân cư,...

TIỂU KẾT CHƯƠNG I

1. HĐGDNGLL là một bộ phận của quá trình giáo dục trong nhà trường, là sự tiếp nối các hoạt động trên lớp, có vai trò quan trọng trong việc tạo nên những con người đáp ứng mục tiêu giáo dục. Trong đó, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học là một yêu cầu hết sức cần thiết trong thời đại hiện nay.
2. Đã có nhiều tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu về KNS, giáo dục KNS cũng như nghiên cứu về HĐGDNGLL. Tuy nhiên, hầu như chưa có tác giả nào nghiên cứu sâu lĩnh vực giáo dục KNS cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL. Vậy làm thế nào để việc thực hiện chương trình giáo dục KNS cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL mang lại hiệu quả cao nhất, phát huy được hết tác dụng của mình nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cho công cuộc đổi mới là câu hỏi khiến nhiều nhà giáo dục phải suy nghĩ. Học sinh tiểu học là lứa tuổi đang phát triển mạnh về nhiều mặt: thể chất, trí tuệ, tình cảm, nhu cầu giao tiếp với mọi người... HĐNGLL có vai trò quan trọng trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, hình thành và phát triển nhân cách tốt đẹp cho các em.
3. Việc giáo dục KNS cho học sinh thông qua HĐNGLL chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: nội dung chương trình, đổi mới giáo dục, nhận thức của các lực lượng giáo dục, năng lực của người thực hiện chương trình, nhận thức và năng lực của học sinh... Bởi vậy, cần có biện pháp thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL một cách hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 4, 5 nói riêng.

Chương II: Thực trạng của việc giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh lớp 4, 5, trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, thành phố Đà Nẵng

Tôi nghiên cứu thực trạng giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐGDNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi để từ đó làm căn cứ đề xuất các biện pháp để thực hiện hoạt động này có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Để nghiên cứu thực trạng giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐGDNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi tôi sử dụng phương pháp điều tra khảo sát thực tế, phương pháp trò chuyện, phỏng vấn và quan sát.

2.1. Mục đích, đối tượng, nội dung, phương pháp khảo sát

2.1.1 Mục đích khảo sát

Tôi điều tra khảo sát thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐGDNGLL nhằm mục đích:

- Đánh giá nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên (giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn), học sinh và phụ huynh học sinh trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi về vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua HĐNGLL.
- Tìm hiểu thực trạng thực hiện việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi và nguyên nhân của thực trạng trên.
- Trên cơ sở thực trạng, đề xuất biện pháp thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

2.1.2 Đối tượng khảo sát

Đề tài tiến hành khảo sát trên các đối tượng: cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh với số lượng như sau:

STT	Đối tượng khảo sát	Số lượng (người)
1.	Cán bộ quản lý	4
2.	Giáo viên	20
3.	Học sinh	160
4.	Phụ huynh học sinh	30
Tổng		214

2.1.3 Nội dung khảo sát

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu trên, tôi đã tập trung vào những nội dung khảo sát sau:

- Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh lớp 4, 5 và phụ huynh học sinh về vai trò, vị trí, các yếu tố ảnh hưởng, biện pháp thực hiện việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL.

- Thực trạng giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi hiện nay.

2.1.4 Phương pháp khảo sát

- Điều tra anket.
- Phỏng vấn trực tiếp.
- Phương pháp quan sát.
- Xử lý kết quả khảo sát bằng phương pháp thống kê toán học.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

2.2.1 Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh về việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

Để điều tra nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và phụ huynh về vị trí, vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5, tôi vừa tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi vừa kết hợp với phỏng vấn.

❖ Qua phân tích số liệu điều tra tôi thấy:

Khi hỏi giáo viên, cán bộ quản lý và phụ huynh học sinh về vị trí, vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh tiểu học trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi được đánh giá như thế nào? Tôi đưa ra ba tiêu chí lựa chọn: “*Rất quan trọng, quan trọng và không quan trọng*”.

Kết quả thu được thể hiện ở bảng 2.1

Bảng 2.1. Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh về vị trí, vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

Đối tượng điều tra	Rất quan trọng		Quan trọng		Không quan trọng	
	SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)
Cán bộ quản lý (4)	3	75	1	25	0	0
Giáo viên (20)	4	20	14	70	2	10
Học sinh (160)	58	36	88	55	14	9
Phụ huynh (30)	11	37	14	47	5	16
Tổng (214)	76	35	117	55	21	10

Bảng 2.1 cho thấy: Phần lớn cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh đều đánh giá cao về vị trí, vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua HĐNGLL. Trong đó, có 35% ý kiến đều đánh giá ở mức độ “rất quan trọng”, 55% ý kiến đánh giá ở mức độ “quan trọng” chỉ có 10% ý kiến đánh giá “không quan trọng”. Cụ thể như sau:

** Nhận thức của cán bộ quản lý*

Qua bảng 2.1 tôi nhận thấy: 75% cán bộ quản lý được hỏi đều khẳng định việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL có vị trí và vai trò rất quan trọng; 25% cán bộ quản lý khẳng định việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh

lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL có vị trí, vai trò quan trọng và không có quản lý nào cho rằng việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL không có vị trí, vai trò gì. Điều này chứng tỏ 100% cán bộ quản lý đều nhận thức vị trí và vai trò quan trọng của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL trong nhà trường.

Khi tiến hành phỏng vấn đối với 4 cán bộ quản lý về vai trò của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL đối với sự hình thành nhân cách của học sinh và chất lượng giáo dục của nhà trường kết quả là: 75% cán bộ quản lý được hỏi đều nhận thức tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL là biện pháp tốt để giáo dục tư tưởng, đạo đức học sinh và giảm thiểu các tác động tiêu cực của các hoạt động ngoài nhà trường, nhưng khi được hỏi hiệu quả của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL đối với chất lượng giáo dục thì ¼ cán bộ quản lý (25%) cho rằng chất lượng giáo dục chủ yếu là chất lượng học văn hóa, HĐNGLL vẫn chỉ coi là hoạt động phụ, hoạt động không được đánh giá điều này cho thấy một bộ phận cán bộ vẫn chưa đặt vấn đề giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL vào vị trí quan trọng trong hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý trong hoạt động chỉ đạo chưa quan tâm tới HĐGDNGLL, hầu như giao cho Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên Tiền phong trong các hoạt động tập thể của nhà trường và giao cho giáo viên chịu trách nhiệm tiến hành các hoạt động chuyên đề của từng khối, lớp.

** Nhận thức của giáo viên (giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn).*

Nhìn vào bảng 2.1 tôi nhận thấy có 20% ý kiến của giáo viên cho rằng việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL có vị trí, vai trò rất quan trọng, 70% ý kiến giáo viên nhận thức được việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL có vị trí, vai trò quan trọng. Tuy nhiên vẫn còn 10% ý kiến giáo viên chưa nhận thức được vị trí, vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL vì họ cho rằng HĐNGLL chỉ là phần phụ, không cần thiết, học sinh chỉ cần học tốt văn hóa cũng đã góp phần nâng cao kỹ năng sống cho các em.

Qua phỏng vấn thì có 6/7 giáo viên (86%) nhận thức việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL góp phần hình thành và phát triển nhân cách học sinh, giáo dục hành vi tốt đẹp cho học sinh, HĐNGLL nếu thực hiện tốt sẽ là môi trường thuận lợi, xây dựng tinh thần đoàn kết, bồi dưỡng những tình cảm trong sáng, tốt đẹp giữa thầy và trò, giữa học sinh với học sinh. Tuy các thầy cô cũng khẳng định đây là công việc không đơn giản, đòi hỏi không chỉ sự nỗ lực của thầy và trò mà cả sự nỗ lực của các nhà quản lý cùng với sự hợp tác của các cấp chính quyền, đoàn thể, ban ngành mà thực tế hiện nay vẫn chưa thực hiện được.

** Nhận thức của học sinh*

Số học sinh nhận thức được vai trò rất quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL chiếm 36% và có 55% học sinh cho rằng việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL có vị trí, vai trò

quan trọng. Tuy nhiên, còn có 9% học sinh chưa nhận thức được vị trí, vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL. Các em cho rằng hoạt động này chưa tạo ra sự hấp dẫn và mang lại hiệu quả. HĐNGLL phần lớn chỉ dành cho những học sinh năng khiếu, những bạn học tốt trong lớp.

Qua phỏng vấn những học sinh cho rằng việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL có vị trí và vai trò quan trọng được biết không phải học sinh nào cũng nhận thức đúng vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL mà trong số đó, các em cho rằng thích tham gia HĐNGLL vì môn học này không phải học tập vất vả, các em được tham gia vào nhiều hoạt động mà mình yêu thích như văn nghệ, tham gia trò chơi có thưởng... Ví dụ có 74% các em thích tham gia thi hát, giao lưu văn nghệ, 100% các em được hỏi thích được đi tham quan. Trong khi đó, các cuộc thi viết, tìm hiểu theo chủ đề học sinh cũng tham gia đầy đủ nhưng mang tính bắt buộc.

Nhận thức này phản ánh đúng thực tế hiện nay, học sinh tiểu học thích những hoạt động vui chơi, giải trí, hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan các di tích, danh lam thắng cảnh phù hợp với thị hiếu hoạt động của các em. Các em được thay đổi không khí sau những giờ học căng thẳng, có những phút giây thư giãn, thoải mái phát huy tinh thần tập thể. Các hoạt động về thi kiến thức, trí tuệ đòi hỏi học sinh tham gia phải có tầm hiểu biết, năng lực nhất định và không phải ai cũng tham gia được. Vì thế những học sinh chưa có sự hiểu biết nhất định, đặc biệt là những em thuộc đối tượng có năng khiếu về thể thao (đội tuyển của câu lạc bộ SHB Đà Nẵng) phần lớn nhận thức về các môn học chưa tốt, tâm lý ngại học mà các em chỉ thích tham gia vào các hoạt động thể dục thể thao theo đúng sở trường của mình.

Nhận thức của học sinh về ý nghĩa của việc tham gia HĐGDNGLL. Theo các em việc tham gia HĐGDNGLL có ý nghĩa như sau:

- + 95% Thỏa mái tinh thần sau những giờ học căng thẳng.
- + 92% Rèn luyện kỹ năng sống (giao tiếp, hợp tác, ứng xử, chia sẻ...)
- + 88% Gần gũi, thân thiện với bạn bè, thầy cô.
- + 82% Vận dụng các kỹ năng đã được học vào thực tiễn
- + 96% Phát triển năng khiếu của học sinh.
- + 95% Giúp các em tích cực, năng động hơn.

Như vậy phần lớn các em nhận thức được ý nghĩa của việc tham gia các HĐNGLL giúp thoải mái tinh thần sau những giờ học căng thẳng, rèn luyện KNS, phát triển năng khiếu của học sinh, đồng thời giúp học sinh tích cực năng động hơn.

** Nhận thức của phụ huynh học sinh*

Từ kết quả thu được ở bảng 2.1 có 37% phụ huynh cho rằng việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL có vị trí, vai trò rất quan trọng và 47% cho rằng việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL có vai trò quan trọng. Như vậy, phần lớn phụ huynh đã nhận thức được vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL nhưng vẫn còn 16% phụ

huynh chưa nhận thức được vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL.

Khi tôi tiến hành phỏng vấn 20 phụ huynh thì kết quả phỏng vấn và kết quả phiếu hỏi có sự khác biệt:

Có 7/20 phụ huynh (35%) nhận thức được vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL và mong muốn con em mình được tham gia hoạt động này để rèn luyện kỹ năng.

Có 8/20 phụ huynh (40%) được hỏi không muốn nhà trường tổ chức các HĐNGLL, không cần thiết phải có môn học HĐGDNGLL để các em có thời gian học văn hóa, tập trung nhiều hơn cho các em học các môn chính như Toán, Tiếng Việt, chuẩn bị tinh thần cho các em bước vào một môi trường mới, nhà trường THCS.

Có 2/20 phụ huynh (10%) muốn nhà trường tổ chức nhiều hoạt động vào những thời gian rảnh trong tuần để các em không có thời gian tham gia vào các hoạt động không lành mạnh vì họ không có thời gian trong khi con họ chưa có tính tự giác trong học tập, còn rụt rè, ham chơi...

3/20 phụ huynh (15%) được hỏi đồng ý cho con mình tham gia HĐGDNGLL để rèn kỹ năng sống vì theo chương trình của nhà trường chứ không phải vì nhận thức đúng vai trò, tác dụng của hoạt động này.

Khi được hỏi: *Để giúp nhà trường và các em tổ chức HĐGDNGLL nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh một cách có hiệu quả ông (bà) có đóng góp gì?*

Một số phụ huynh trả lời tạo điều kiện tạo điều kiện cho các em có thời gian tập luyện, đưa đón các em trong những lúc phải đi trái buổi, một số khác trả lời đóng góp tiền mặt, giúp các em hiểu rõ vai trò của hoạt động này.

Điều này thể hiện việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa có sự liên kết chặt chẽ trong tổ chức các hoạt động.

Tóm lại, đa số đối tượng đều nhận thức được rằng việc tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL là biện pháp tốt nhất để giúp học sinh hoàn thiện về nhân cách, giảm thiểu những tác động tiêu cực, giúp các em củng cố kiến thức, có kỹ năng để vận dụng vào thực tiễn tốt hơn. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh nhận thức chưa đúng, họ coi đó là hoạt động phụ, môn học không được đánh giá nên không cần thiết phải tham gia nhiều. Theo họ, cần tập trung thời gian vào các môn học chính để các em có vốn kiến thức vững chắc, là nền tảng để học lên các bậc học tiếp theo.

2.2.2 Thực trạng về việc thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

Trong nhà trường tiểu học, nội dung giáo dục KNS thông qua HĐNGLL là sự tổng hợp kiến thức của nhiều môn học, nhiều loại hình thức hoạt động khác nhau được chia thành hai phần: phần bắt buộc (yêu cầu mọi trường, mọi học sinh phải tham gia là nội dung chủ đề thể hiện suốt 12 tháng nhằm khép kín không gian và thời gian) và phần tự chọn (không bắt buộc).

Giáo dục KNS thông qua HĐNGLL là chương trình có quy định rõ về mức độ thực hiện theo các chủ đề nên tôi không đi sâu tìm hiểu về mức độ thực hiện các chủ đề mà chỉ tập trung tìm hiểu về việc thực hiện nội dung các chủ đề có theo đúng qui định hay không đúng qui định hoặc có mở rộng nội dung. Để tìm hiểu vấn đề này tôi tiến hành điều tra trên 4 cán bộ quản lý, 20 giáo viên và 160 học sinh kết hợp với phỏng vấn.

Kết quả khảo sát cán bộ quản lý và giáo viên về các chủ đề đã được tiến hành và các kĩ năng giáo dục cho học sinh qua từng hoạt động.

Bảng 2.2. Tổng hợp ý kiến của 7 giáo viên trực tiếp giảng dạy khối lớp 4, 5 về các chủ đề đã tổ chức.

Các chủ đề	Nội dung					
	Không đúng qui định		Đúng qui định		Mở rộng	
	SL	%	SL	%	SL	%
1. Truyền thống nhà trường	0	0	6	86	1	14
2. Chăm ngoan học giỏi	0	0	5	71	2	29
3. Tôn sư trọng đạo	0	0	4	57	3	43
4. Uống nước nhớ nguồn	0	0	7	100	0	0
5. Mừng Đảng, mừng xuân	0	0	7	100	0	0
6. Tiến bước lên Đoàn	0	0	4	57	3	43
7. Hòa bình, hữu nghị	0	0	5	71	2	29
8. Bác Hồ kính yêu	0	0	5	71	2	29
9. Hè vui bổ ích	0	0	3	43	4	57

Bảng 2.2 kết hợp với phỏng vấn giáo viên các khối lớp và cán bộ quản lý về qui mô tổ chức theo khối (lớp 4, 5) và trường đã cho thấy:

Về nội dung: Tất cả các chủ đề đều được thực hiện theo đúng qui định. Trong đó chủ đề: truyền thống nhà trường (chiếm 86%); uống nước nhớ nguồn và mừng Đảng mừng xuân (đều chiếm 100%). Các lí do này không được mở rộng nhiều vì đây là thời gian các em ôn thi cuối học kì và nghỉ Tết Nguyên Đán nên giáo viên chỉ thực hiện theo đúng qui định của chương trình, kế hoạch đề ra.

Về qui mô: Các chủ đề được tổ chức ở tất cả các qui mô lớp, khối, trường. Trong đó qui mô lớp được tổ chức nhiều hơn, qui mô khối, trường được tổ chức ít hơn, chú trọng vào một số chủ đề: Tiến bước lên Đoàn, tôn sư trọng đạo, Bác Hồ kính yêu... vì những chủ đề này gắn liền với những ngày lễ lớn của đất nước.

Như vậy, phần lớn giáo viên và cán bộ quản lý cho rằng việc thực hiện nội dung theo đúng qui định và có sự mở rộng nội dung, không có ý kiến nào cho rằng việc thực hiện nội dung là không đúng qui định. Qui mô thực hiện tùy thuộc vào chủ đề, vào mỗi giáo viên. Có những chủ đề được mở rộng như: Tôn sư trọng đạo (chiếm 43%), tiến

bước lên Đoàn (43%), hè vui bổ ích (57%). Tuy nhiên việc mở rộng nội dung chỉ mới tập trung vào các chủ đề tự chọn hoặc các chủ đề liên quan đến các ngày kỉ niệm trọng đại như Bác Hồ kính yêu, tiến bước lên Đoàn... được tổ chức theo qui mô nhà trường điều này chứng tỏ việc mở rộng nội dung theo hướng tích hợp các môn học chưa được chú trọng. Do vậy, cần phải có sự chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục KNS thông qua HĐNGLL ngay từ khâu thiết kế giáo án nhằm phát huy vai trò hỗ trợ cho các môn học chính khóa, đồng thời cần có sự chỉ đạo trong việc đổi mới phương pháp để nó diễn ra đồng bộ, mang lại hiệu quả giáo dục.

Cùng với việc tiến hành khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên về các chủ đề đã thực hiện, tôi còn khảo sát trên 20 giáo viên về những kĩ năng được sử dụng để hình thành cho học sinh thông qua HĐNGLL.

Khi được 7 giáo viên trực tiếp giảng dạy khối lớp 4, 5 về mức độ thực hiện giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL. Phần lớn giáo viên đều trả lời là có thực hiện nhưng mức độ thực hiện còn thấp. Số lượng giáo viên ít thực hiện chiếm 4/7 người. Lí do vì trong quá trình học văn hóa, giáo viên cũng đã lồng ghép giáo dục kĩ năng sống cho học sinh, thời gian tổ chức HĐNGLL không nhiều nên việc tổ chức các hoạt động để giáo dục kĩ năng sống cho các em còn hạn chế.

- ❖ Kết quả khảo sát đối giáo viên về những kĩ năng được sử dụng để giáo dục học sinh thông qua HĐNGLL.

Bảng 2.3. Những kĩ năng được giáo viên sử dụng để rèn luyện cho học sinh thông qua HĐNGLL

Kĩ năng sống	Mức độ sử dụng					
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ	
	SL	%	SL	%	SL	%
1. Ra quyết định	3	43	4	57	0	0
2. Khả năng thấu cảm	4	57	3	43	0	0
3. Giải quyết vấn đề	2	29	5	71	0	0
4. Suy nghĩ có phán đoán	1	14	3	43	3	43
5. Giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực	2	29	4	57	1	14
6. Giao tiếp giữa người với người	7	100	0	0	0	0
7. Ý thức về bản thân	1	14	5	72	1	14
8. Ứng phó với cảm xúc, căng thẳng	0	0	3	43	4	57
9. Xác định giá trị	0	0	2	29	5	71
10. Đánh giá và tự đánh giá	3	43	4	57	0	0

Qua bảng 2.3 ta thấy:

Việc giáo dục kỹ năng sống của học sinh lớp 4, 5 vẫn còn hạn chế. Phần lớn giáo viên chỉ thường xuyên lồng ghép kỹ năng giao tiếp giữa người với người (chiếm 100%) trong HĐNGLL. Các kỹ năng còn lại như: Ra quyết định (chiếm 57%), khả năng thấu cảm (chiếm 43%), giải quyết vấn đề (chiếm 71%), giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực (chiếm 57%), ý thức về bản thân (chiếm 72%), đánh giá và tự đánh giá (chiếm 57%) chỉ thỉnh thoảng mới được lồng ghép vào. Đặc biệt là các kỹ năng nâng cao như: Suy nghĩ có phán đoán; ứng phó với cảm xúc, căng thẳng; xác định giá trị thì hầu như rất ít khi sử dụng.

Như vậy, kết quả đã phản ánh đúng thực trạng của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 hiện nay. Phần lớn giáo viên đều không chú trọng việc giáo dục những kỹ năng nâng cao cho học sinh mà chỉ đơn giản giáo dục những kỹ năng đơn giản hằng ngày như giao tiếp, thấu cảm. Việc làm này khiến cho một bộ phận học sinh thiếu kỹ năng sống để ứng phó với những tình huống thường gặp, các em cảm thấy lúng túng, chần chừ khi gặp phải những khó khăn, căng thẳng trong cuộc sống. Điều này càng khẳng định vai trò quan trọng cuộc việc tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua HĐNGLL.

Vì lý do về nhận thức của học sinh lớp 4, 5 còn chưa cao, các em chưa có khả năng tự đánh giá về bản thân nên tôi đã tiến hành khảo sát ý kiến của giáo viên trực tiếp giảng dạy khối lớp 4, 5 về việc đánh giá mức độ thực hiện các kỹ năng sống cơ bản của học sinh lớp 4, 5.

Kết quả khảo sát mức độ thực hiện các kỹ năng sống cơ bản của học sinh lớp 4, 5.

Bảng 2.4. Đánh giá của giáo viên về mức độ thực hiện các kỹ năng sống cơ bản của học sinh lớp 4, 5.

Kỹ năng sống	Mức độ thực hiện					
	Làm tốt		Làm có sự trợ giúp		Còn lúng túng	
	SL	%	SL	%	SL	%
1. Ra quyết định	10	6	120	75	30	19
2. Khả năng thấu cảm	34	21	76	48	50	31
3. Giải quyết vấn đề	23	14	52	33	85	53
4. Suy nghĩ có phán đoán	15	9	49	31	96	60
5. Giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực	13	8	46	29	101	63
6. Giao tiếp giữa người với người	32	20	82	51	46	29
7. Ý thức về bản thân	23	14	49	31	88	55
8. Ứng phó với cảm xúc, căng thẳng	12	8	76	47	72	45
9. Xác định giá trị	10	6	67	42	83	52
10. Đánh giá và tự đánh giá	36	23	63	39	61	38

Từ kết quả trên cho thấy:

Kĩ năng sống của học sinh lớp 4, 5 còn hạn chế. Phần lớn các em cần phải có sự trợ giúp mới có thể thực hiện tốt những kĩ năng cơ bản.

Các kĩ năng các em có thể làm tốt hơn đó là: Kĩ năng thấu cảm (chiếm 34%), kĩ năng đánh giá và tự đánh giá (chiếm 36%). Tuy nhiên, tỉ lệ này vẫn chưa cao.

Có những kĩ năng học sinh đã được tiếp nhận ở mức độ thường xuyên (kĩ năng giao tiếp – theo kết quả điều tra tại bảng 2.3) nhưng rất ít học sinh có thể làm tốt, chỉ có 20% học sinh tự tin là mình có khả năng.

Những kĩ năng cơ bản như: giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực, suy nghĩ có phán đoán; ý thức về bản thân, xác định giá trị là những kĩ năng mà học sinh còn lúng túng khi thực hiện. Thực tế này là một mặt phản ánh thực trạng giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 4, 5 nói riêng chưa thực sự được coi trọng và triển khai có hiệu quả. Mặt khác khẳng định, cần thiết phải tăng cường giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học.

2.2.3 Thực trạng về hình thức tổ chức giáo dục kĩ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

Khi được hỏi về các hình thức tổ chức HĐGDNGLL thì phần lớn học sinh đều trả lời là còn đơn điệu, các trò chơi thường chỉ lặp đi, lặp lại. Số ít học sinh cho rằng hình thức tổ chức các chủ đề là phong phú.

Bên cạnh đó, tôi còn tìm hiểu mức độ tham gia các hình thức tổ chức HĐNGLL của học sinh khối lớp 4, 5.

❖ Kết quả thu được thể hiện ở bảng 2.5

Bảng 2.5. Tự đánh giá của học sinh về mức độ tham gia các hình thức tổ chức HĐNGLL

Những hình thức tổ chức HĐNGLL học sinh đã được tham gia	Mức độ					
	Không tham gia		Thỉnh thoảng		Thường xuyên	
	SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)
1. Trò chơi theo đội, nhóm	42	26	57	36	61	38
2. Trò chơi cá nhân	14	9	58	36	88	55
3. Thi múa, hát tập thể	45	28	64	40	51	32
4. Kể chuyện	131	82	19	12	10	6
5. Vẽ tranh, xé dán	61	38	72	45	27	17
6. Tham quan	120	75	40	25	0	0
7. Nghe giáo viên báo cáo	33	21	114	71	13	8
8. Đóng kịch, xử lý tình huống	127	79	25	16	8	5
9. Thi viết, tìm hiểu theo chủ đề	41	26	87	54	32	20
10. Diễn đàn	149	93	11	7	0	0
11. Tham gia câu lạc bộ	157	98	3	2	0	0

Qua bảng 2.5 ta thấy:

- Những hình thức tổ chức mà học sinh thường xuyên tham gia như:
- + Trò chơi cá nhân chiếm 55%

- + Trò chơi theo đội, nhóm chiếm 38%
- Những hình thức tổ chức học sinh thỉnh thoảng tham gia như:
- + Nghe giáo viên báo cáo chiếm 71%
- + Thi viết, tìm hiểu theo chủ đề chiếm 54%
- + Vẽ tranh, xé dán chiếm 45%
- + Thi múa hát tập thể chiếm 40%
- Những hình thức tổ chức mà học sinh không tham gia nhiều như:
- + Câu lạc bộ chiếm 98%
- + Diễn đàn chiếm 93%
- + Đóng kịch, xử lý tình huống chiếm 79%
- + Tham quan chiếm 75%

Qua khảo sát tôi được biết lý do phần lớn học sinh không tham gia các hình thức như đóng kịch, tham quan, diễn đàn, câu lạc bộ vì đối với những hình thức này nhà trường không tổ chức hoặc ít tổ chức. Nếu có tổ chức cũng giới hạn số lượng người tham gia. Ví dụ như ngày 6 tháng 4 trường tổ chức cho học sinh khối lớp 4, 5 đi tham quan, mỗi lớp chỉ được 15 bạn đăng kí.

Như vậy, thực tế các hình thức tổ chức HĐNGLL còn đơn điệu, mới chỉ tập trung vào một số hình thức như trò chơi, vẽ tranh, xé dán, thi múa hát, kể chuyện, nghe báo cáo, chưa kết hợp được đa dạng các loại hình thức khác nhau khi tổ chức thực hiện chương trình HĐNGLL để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh một cách đầy đủ.

Ngoài việc điều tra học sinh, tôi còn tiến hành điều tra giáo viên và cán bộ quản lý về hình thức đã tổ chức cụ thể:

Kết quả khảo sát đối với giáo viên và cán bộ quản lý về hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh khối lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL.

Để điều tra vấn đề này tôi đặt câu hỏi: *Thầy (cô) hãy nêu những hình thức tổ chức HĐNGLL mà lớp, khối, trường thầy (cô) đã tiến hành, người chịu trách nhiệm chính là ai? Lực lượng tham gia? Theo thầy (cô) các hình thức này đạt hiệu quả ở mức độ nào? Vì sao?*

Qua khảo sát tôi thu được kết quả sau:

Những hình thức tổ chức mà 100% giáo viên và cán bộ quản lý cho rằng đã tiến hành gồm: Thi tìm hiểu theo chủ đề; trò chơi; thi hát, múa tập thể. Còn các chủ đề: Nghe báo cáo 94%, vẽ tranh, kể chuyện 92%. Những chủ đề ít được tổ chức như tham quan 10%, diễn đàn 5%, câu lạc bộ 9%, các hình thức khác chiếm 28%.

Như vậy, thực trạng việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL mới chỉ tập trung vào một số ít hình thức như trò chơi (cá nhân; đội, nhóm) thi hát, múa tập thể và tìm hiểu theo chủ đề được tổ chức thường xuyên hơn, những hình thức rất ít được tổ chức thực hiện đó là tham quan, câu lạc bộ, diễn đàn.

Về lực lượng thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL: qua điều tra giáo viên, cán bộ quản lý và học sinh tôi thu được kết quả như sau:

100% giáo viên, cán bộ quản lý đều trả lời người phụ trách là giáo viên, lực lượng tham gia là học sinh.

Hiệu quả của các hình thức đã tiến hành: 49% giáo viên và cán bộ quản lý cho rằng đạt hiệu quả cao hơn ở hình thức trò chơi; thi hát, múa tập thể, 26% giáo viên và cán bộ quản lý cho rằng tổ chức vẽ tranh, xé dán, nghe báo cáo đạt hiệu quả trung bình, 25% giáo viên và cán bộ quản lý cho rằng hiệu quả thấp ở hình thức khác.

Theo đánh giá chung của giáo viên và cán bộ quản lý, hiệu quả của việc những hình thức tổ chức đã được tiến hành chưa cao, vì học sinh còn nhút nhát, chưa tích cực tham gia hoạt động; giáo viên chưa được đào tạo bài bản, việc thiết kế giáo án theo hướng tích hợp nội dung các môn học khác còn hạn chế, vai trò cố vấn, khả năng huy động lực lượng tham gia còn chưa tốt, việc đổi mới phương pháp chưa được chú trọng. Hơn nữa, điều kiện sân bãi, phòng học, kinh phí tổ chức, trang thiết bị chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động,

2.2.4 Thực trạng về việc sử dụng các phương pháp tổ chức giáo dục KNS thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

Để tìm hiểu vấn đề này tôi tiến hành khảo sát giáo viên thông qua phiếu hồi kết hợp với phỏng vấn và quan sát.

Kết quả thu được ở bảng 2.6

Bảng 2.6. Tự đánh giá của giáo viên về mức độ và hiệu quả của các phương pháp đã sử dụng nhằm giáo dục KNS cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL

Các phương pháp	Mức độ						Hiệu quả					
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ		Cao		Trung bình		Thấp	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Trò chơi	16	80	4	20	0	0	12	60	8	40	0	0
2. Thảo luận nhóm	14	70	6	30	0	0	8	40	9	45	3	15
3. Đóng vai	0	0	8	40	12	60	4	20	10	50	6	30
4. Giải quyết vấn đề	7	35	13	65	0	0	3	15	13	65	4	20
5. Giao nhiệm vụ	4	20	16	80	0	0	11	55	9	45	0	0
6. Thuyết trình	0	0	15	75	5	25	6	30	5	25	11	55
7. Diễn đàn	0	0	3	15	17	85	1	5	17	85	2	10

Về mức độ sử dụng phương pháp: Bảng 2.6 cho thấy giáo viên sử dụng nhiều phương pháp khác nhau trong quá trình tổ chức HĐNGLL nhưng mức độ sử dụng phương pháp không giống nhau. Trong đó, phương pháp được sử dụng thường xuyên nhất là phương pháp trò chơi (chiếm 80%), thảo luận nhóm (chiếm 70%); những phương pháp giáo viên thỉnh thoảng sử dụng: giải quyết vấn đề (chiếm 65%) và thuyết trình (chiếm 75%), giao nhiệm vụ (80%), giải quyết vấn đề (chiếm 65%). Tuy nhiên, một số phương pháp hầu như không được giáo viên sử dụng: đóng vai (chiếm 60%) và diễn đàn (chiếm 85%).

Đánh giá hiệu quả của các phương pháp đã sử dụng: Nhìn chung phần lớn giáo viên cho rằng hiệu quả của các phương pháp đã sử dụng ở mức trung bình. Trong đó phương pháp giao nhiệm vụ (chiếm 55%), trò chơi (chiếm 60%) đạt hiệu quả cao.

Những phương pháp được đánh giá đạt hiệu quả trung bình như: thảo luận (chiếm 45%), giải quyết vấn đề chỉ (chiếm 65%), có những phương pháp được đánh giá chiếm tỉ lệ thấp như: đóng vai chiếm 30%, thuyết trình chiếm 55% vì đối với học sinh lớp 4, 5 các em khó thực hiện những phương pháp này.

Như vậy, theo nhận định chung của giáo viên thì hiệu quả các phương pháp đã sử dụng chưa cao vì giáo viên chưa chú trọng việc đổi mới phương pháp nên chưa phát huy vai trò chủ thể của học sinh.

Qua phỏng vấn và quan sát tôi được biết giáo viên chủ yếu cho học sinh chơi trò chơi, sử dụng ít những phương pháp phát huy tính tích cực của học sinh. Giáo viên chưa quan tâm tới việc đổi mới phương pháp vì họ cho rằng mất rất nhiều thời gian và công sức chuẩn bị cho hoạt động trong khi đó năng lực tổ chức của giáo viên chưa đáp ứng được; điều này dẫn tới tâm lý ngại làm, ngại thay đổi.

Như vậy, việc thực hiện chương trình giáo dục KNS thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 vẫn chỉ mang tính hình thức, không chú ý đến việc đổi mới phương pháp, chưa khai thác được hết tiềm năng của học sinh, vai trò chủ thể học sinh bị mờ nhạt trong các tiết học. Nội dung các chủ đề ít thay đổi, hình thức hoạt động thiếu đa dạng gây nhàm chán, uể oải trong hoạt động dẫn tới hiệu quả giáo dục không cao.

2.2.5 Thực trạng về việc đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống sau khi tổ chức HĐNGLL

Tôi đưa ra câu hỏi: “*Thầy (cô) có tiến hành đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng sống cho học sinh sau khi tổ chức các HĐNGLL không? Ai là người đánh giá? Đánh giá theo tiêu chí nào?*”.

Kết quả là có 84% ý kiến cho rằng có tiến hành việc đánh giá, tuy nhiên vẫn còn 16% ý kiến cho rằng không tiến hành việc đánh giá. Trong quá trình đánh giá chủ yếu là giáo viên thực hiện chiếm 65%, do học sinh thực hiện chiếm 21% và chỉ có 14% ý kiến cho rằng giáo viên biết kết hợp giữa tự đánh giá của học sinh với đánh giá của giáo viên. Hơn nữa, việc đánh giá hoạt động mới chỉ dựa vào ý thức, thái độ của học sinh mà không chú ý đến hiệu quả của công việc.

Như vậy, việc đánh giá chủ yếu là do giáo viên thực hiện, số giáo viên biết kết hợp giữa sự tự đánh giá của học sinh và nhà sư phạm còn ít. Tiêu chí đánh giá chỉ nhận xét về hình thức, thái độ chưa chú ý đến hiệu quả của công việc, chỉ ra những công việc chưa làm được, nguyên nhân của nó và đề xuất được những kiến nghị giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời mang lại hiệu quả cho giáo dục. Đây là một trong những nguyên nhân khiến HĐNGLL chưa đạt hiệu quả cao, chưa hình thành được kỹ năng đánh giá và tự đánh giá của học sinh.

2.2.6 Thực trạng về hiệu quả của việc thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL.

Để tìm hiểu về vấn đề này tôi tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi với 160 học sinh và phỏng vấn 7 giáo viên

Kết quả điều tra đối với học sinh: Đề tìm hiểu ý kiến của học sinh tôi đặt câu hỏi: *Thông qua những tiết học HĐNGLL em có thấy mình tự tin, mạnh dạn và có khả năng xử lý các vấn đề phát sinh trong cuộc sống không?*

Kết quả là 66% ý kiến cho rằng có nâng cao kỹ năng vì các em được tham gia nhiều hoạt động khác nhau, trở nên mạnh dạn, tự tin hơn. 33% học sinh cho rằng là không vì những hình thức lặp đi lặp lại, các em ít được tham gia, những hoạt động mới, qui mô tổ chức lớn chỉ dành cho các bạn có thành tích học tập tốt.

Tìm hiểu hứng thú của học sinh đối với các HĐNGLL có tới 85% học sinh hứng thú tham gia HĐNGLL. Nhưng khi được hỏi lí do vì sao các em hứng thú thì đa phần đều trả lời vì hoạt động này các em được chơi, không cần phải học, không phải trả bài cũ và mỗi tháng chỉ được tổ chức một vài lần chứ không phải vì hình thức hấp dẫn hay các em có nhiều cơ hội thể hiện bản thân.

Kết quả phỏng vấn 7 giáo viên: 5/7 giáo viên (71%) cho rằng hiệu quả chưa cao vì: điều kiện về không gian và thời gian để tổ chức hoạt động còn hạn chế, một bộ phận không nhỏ giáo viên coi đây chỉ là môn phụ nên không quan tâm tới việc thiết kế bài giảng, đổi mới phương pháp, không đánh giá xếp loại, việc thực hiện nhiều khi chỉ là hình thức, tâm lý ngại làm, ngại thay đổi còn tồn tại ở một số giáo viên. Chính vì những lí do trên đã khiến cho hiệu quả của việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp còn chưa cao.

2.2.7 Thực trạng đánh giá của lực lượng giáo dục về các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5.

Kết quả thu được ở bảng 2.7

Bảng 2.7. Ý kiến của giáo viên và cán bộ quản lý về các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục KNS thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi

Các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5	Đánh giá của giáo viên (20)		Đánh giá của cán bộ quản lý (4)		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%
1. Năng lực của các lực lượng giáo dục	18	90	3	75	21	87
2. Năng lực tổ chức của giáo viên	19	95	4	100	23	96
3. Cơ sở vật chất	18	90	4	100	22	92
4. Sự hỗ trợ về vật chất, động viên về tinh thần của tập thể	11	55	2	50	13	54
5. Thời gian học văn hóa, áp lực về thành tích	18	90	3	75	22	92
6. Định hướng đổi mới giáo dục	10	50	3	75	13	54
7. Hình thức tổ chức và nội dung hoạt động	17	85	3	75	20	83
8. Sự đánh giá kết quả các HĐGDNGLL	15	75	2	50	17	71
9. Tính tích cực, chủ động của học sinh	19	95	4	100	23	96

Từ kết quả bảng 2.7 tôi nhận thấy tất cả các yếu tố trên đều ảnh hưởng tới việc thực hiện chương trình. Trong đó, năng lực tổ chức của giáo viên (chiếm 96%), cơ sở vật chất (chiếm 92%), thời gian học văn hóa và áp lực về thành tích (chiếm 92%), tính tích cực chủ động của học sinh (chiếm 96%). Do đó, giáo viên cần phải chú trọng tới việc thiết kế giáo án, đổi mới phương pháp, xây dựng qui trình thực hiện để có thể nâng cao chất lượng các hoạt động. Cụ thể:

– Sự đánh giá của giáo viên

Qua bảng 2.9 cho thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện chương trình:

- + Nhận thức của các lực lượng giáo dục chiếm 90%
- + Năng lực tổ chức của giáo viên chiếm 95%
- + Cơ sở vật chất chiếm 90%
- + Sự hỗ trợ về vật chất, động viên về tinh thần của tập thể chiếm 55%
- + Thời gian học văn hóa và áp lực về thành tích chiếm 90%
- + Định hướng đổi mới giáo dục chiếm 50%
- + Hình thức tổ chức và nội dung hoạt động chiếm 85%
- + Sự đánh giá kết quả của HĐGDNGLL chiếm 75%
- + Tính tích cực, chủ động của học sinh chiếm 95%

Như vậy, đa số giáo viên nhận thức được vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL nhưng khi tổ chức thực hiện chương trình lại gặp nhiều khó khăn, những khó khăn lớn nhất là năng lực tổ chức của giáo viên, cơ sở vật chất, thời gian học văn hóa, áp lực về thành tích và nhận thức, hứng thú học tập của học sinh.

– Sự đánh giá của cán bộ quản lý: Tôi tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi kết hợp phỏng vấn 2 hiệu phó phụ trách chuyên môn.

Qua trao đổi, tôi nhận thấy các cán bộ quản lý đều khẳng định: Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động còn thiếu, thời gian một tiết hạn hẹp, khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động, hoàn cảnh học sinh trong lớp có sự chênh lệch, giao thông đi lại và việc điều động học sinh đi trái buổi còn khó khăn. Tất cả những yếu tố trên đều ảnh hưởng đến việc tiến hành hoạt động.

Kết quả điều tra bằng phiếu hỏi được thể hiện ở bảng 2.7. Qua bảng 2.7 tôi nhận thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện chương trình. Trong đó:

- + Nhận thức của các lực lượng giáo dục chiếm 75%
- + Năng lực tổ chức của giáo viên chiếm 100%
- + Cơ sở vật chất chiếm 100%
- + Sự hỗ trợ về vật chất, động viên về tinh thần của tập thể chiếm 50%
- + Thời gian học văn hóa và áp lực về thành tích chiếm 75%
- + Định hướng đổi mới giáo dục chiếm 75%
- + Hình thức tổ chức và nội dung hoạt động chiếm 75%
- + Sự đánh giá kết quả của HĐGDNGLL chiếm 50%
- + Tính tích cực, chủ động của học sinh chiếm 100%

Như vậy, theo các cán bộ quản lý đánh giá thì các yếu tố: cơ sở vật chất, năng lực tổ chức của giáo viên, nhận thức của các lực lượng giáo dục, thời gian học văn hóa... có ảnh hưởng tới hiệu quả của việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục KNS cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL ở trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

So sánh ý kiến đánh giá của giáo viên và cán bộ quản lý về các yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện chương trình HĐNGLL nhìn chung sự đánh giá của các lực lượng giáo dục có sự thống nhất, tương đối đồng thuận cho ta biết các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua HĐNGLL là:

- + Nhận thức của các lực lượng giáo dục.
- + Năng lực tổ chức của giáo viên.
- + Cơ sở vật chất.
- + Thời gian học văn hóa, áp lực về thành tích.
- + Hình thức tổ chức và nội dung hoạt động.
- + Sự đánh giá kết quả của HĐGDNGLL.
- + Các điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL có hiệu quả.

*** Nhận xét chung**

+ Về giáo viên

Qua quá trình điều tra, tôi nhận thấy còn một số giáo viên chưa thực sự quan tâm đến việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh mà chỉ chú trọng truyền thụ kiến thức ở sách giáo khoa, chưa tìm tòi các hình thức và phương pháp tổ chức cho các hoạt động này nên phần nào ảnh hưởng đến hứng thú của học sinh.

+ Về học sinh

Một số học sinh còn thụ động, chủ yếu chỉ nghe và làm theo thầy cô giáo, ít sáng tạo, tính tự giác chưa cao, lười hoạt động. Học sinh chỉ có học kiến thức, khả năng ứng phó với các tình huống trong cuộc sống kém, tính tự tin ít, tự ti nhiều, thường nóng nảy, gây gổ lẫn nhau.

+ Về phụ huynh

Nguyên nhân khiến đa phần học sinh khó tiếp cận được các hoạt động kỹ năng thực hành xã hội là do phụ huynh không cho phép. Đa số phụ huynh cho rằng con em mình chỉ cần học giỏi kiến thức. Phụ huynh học sinh chỉ khuyến khích các con tìm kiếm thức mà quên hướng cho con em mình làm tốt hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội và cách ứng xử trong gia đình. Phần lớn ở gia đình phụ huynh giao tiếp trong gia đình còn nhiều hạn chế, xung hô chưa chuẩn mực nên các em bắt chước và xung hô thiếu thiện cảm.

+ Về nhà trường

Nhiều năm liền trường luôn đạt danh hiệu trường tiên tiến. Trong hoạt động chuyên môn dạy và học, nhà trường thường xuyên nghiên cứu, cải tiến nâng cao chất lượng giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh, không ngừng đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với nội dung chương trình. Và đặc biệt chú trọng đến việc "Giáo dục kỹ năng sống" cho học sinh. Nhà trường coi đây là một trong những

yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục. Chính vì thế, ngay sau khi Bộ GD & ĐT đưa nội dung giáo dục kỹ năng sống lồng ghép vào các môn học và HĐGDNGLL, nhà trường tiến hành triển khai đồng bộ đến toàn thể cán bộ giáo viên về việc tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Mỗi thầy cô giáo tâm huyết, trách nhiệm hơn trong việc giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh. Mỗi giáo viên trong nhà trường không chỉ nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, mà còn thường xuyên quan tâm đến đời sống, tâm tư tình cảm của học sinh.

Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường, ngoài việc lồng ghép vào các môn học hàng ngày, HĐNGLL là một trong những con đường giáo dục có hiệu quả trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Chính vì thế ngoài việc xây dựng và hoàn thiện các quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường, bằng nhiều hình thức khác nhau nhà trường thường xuyên tổ chức những buổi sinh hoạt ngoại khóa với nhiều hình thức khác nhau như vui chơi, văn nghệ, tổ chức tham quan; tham gia các hoạt động dọn vệ sinh bảo vệ môi trường, dọn vệ sinh khu tượng đài liệt sĩ, dọn vệ sinh, tổ chức các hoạt động quyên góp ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn... Thông qua những hoạt động này, nhà trường muốn giáo dục cho các em học sinh tính đoàn kết tập thể, khả năng làm việc theo nhóm. Đồng thời xây dựng tinh thần chia sẻ, ý thức trách nhiệm cho các em.

Từ những thực trạng trên đây, thì việc " Giáo dục KNS cho học sinh thông qua HĐGDNGLL" là một việc làm vô cùng cần thiết giúp cho các em say mê, hứng thú trong học tập, các em thấy mình mạnh dạn hơn trong giao tiếp, tự tin hơn trong việc thể hiện những năng lực của bản thân.

TIỂU KẾT CHƯƠNG II

Qua phân tích kết quả khảo sát thực trạng thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi bằng phương pháp điều tra, phỏng vấn và quan sát các đối tượng: cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và phụ huynh học sinh tôi có một số kết luận sơ bộ sau:

Nhận thức của cán bộ quản lý, hầu hết giáo viên, học sinh và một bộ phận phụ huynh học sinh đã xác định được đúng vai trò, vị trí của HĐNGLL đối với việc hình thành kỹ năng sống, phát triển nhân cách cho học sinh lớp 4, 5 góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở trường tiểu học.

Thực trạng thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động NGLL cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi theo đúng phân phối chương trình qui định. Tuy nhiên, nội dung rập khuôn, hình thức đơn điệu, phương pháp chưa phát huy được vai trò chủ thể của học sinh nên hiệu quả giáo dục chưa cao.

Việc thực hiện chương trình bị chi phối bởi nhiều yếu tố:

- + Nhận thức của các lực lượng giáo dục.
- + Năng lực tổ chức của giáo viên.
- + Cơ sở vật chất.
- + Thời gian học văn hóa, áp lực về thành tích.
- + Hình thức tổ chức và nội dung hoạt động.
- + Sự đánh giá kết quả của HĐGDNGLL.
- + Các điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL có hiệu quả.

Việc thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 vẫn chưa được chú trọng, chưa đóng góp nhiều trong việc nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học. Một trong những nguyên nhân khiến việc giáo dục KNS thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 chưa có hiệu quả là do chưa có biện pháp thực hiện hợp lý và khoa học.

Chương III: Biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp

3.1. Mục tiêu

Việc chú trọng giáo dục kỹ năng sống thông qua HĐGDNGLL giúp tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, học sinh nỗ lực tiếp thu bài giảng và tìm tòi những kiến thức liên quan đến bài học để liên hệ áp dụng vào thực tiễn, qua đó phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Các em cảm thấy vui thích và biết thêm nhiều kiến thức. Nhờ đó các em biết tự chăm sóc bản thân như là tự sắp xếp góc học tập thật ngăn nắp, tự giặt quần áo cho mình, vệ sinh cá nhân và môi trường sống. . . Ngoài ra, em còn giúp bố mẹ nhiều việc nhà. Đây được xem là bước tiến quan trọng trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục xem học sinh là trung tâm, góp phần tạo điều kiện cho việc hoàn thiện nhân cách học sinh ngay từ khi còn là học sinh tiểu học.

3.2. Cơ sở đề xuất biện pháp

3.2.1 Dựa vào nội dung các hoạt động thực hiện chủ đề của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học

- Việc thiết kế các hoạt động GD KNS cho Học sinh thông qua HĐ GDNGLL cần dựa vào chủ điểm sinh hoạt ở trường tiểu học. Việc thiết kế các chủ đề giáo dục KNS phù hợp với chủ đề của HĐGDNGLL được thực hiện qua các bước sau:
- + Giáo viên phải nắm vững chương trình, phân phối chương trình HĐGDNGLL của từng lớp, đặc biệt là khối lớp giảng dạy và thực hiện HĐGDNGLL.
- + Giáo viên nắm được nội dung của các KNS cơ bản cần giáo dục cho học sinh.
- + Phân tích chương trình HĐGDNGLL để xác định những chủ đề nào của chương trình lớp mình chủ nhiệm có thể thiết kế được các chủ đề về giáo dục KNS dựa trên kế hoạch của nhà trường.

3.2.2 Dựa vào đặc điểm tâm sinh lý của HSTH

Do đặc điểm tâm sinh lý của HSTH nên trong quá trình tổ chức HĐ GDNGLL, GV cần chú ý đến tính vừa sức đối với học sinh. GV cần lựa chọn nội dung phù hợp với khả năng vận động và tư duy của HS. GV cần khuyến khích, động viên các em tham gia một cách tích cực vào quá trình hình thành KNS như: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ứng phó,...

3.2.3 Dựa vào kết quả khảo sát thực trạng

Qua khảo sát thực trạng việc GD KNS ở trường tiểu học cần chú trọng hơn. Nhiều GV tập trung vào hoạt động dạy học mà ít quan tâm đến hoạt động GD. Với HĐ GDNGLL học sinh sẽ có nhiều cơ hội để phát triển kỹ năng sống của mình. Một số HS còn rụt rè, nhút nhát nên thông qua các HĐ GDNGLL sẽ giúp các em hòa mình vào tập thể, rèn các kỹ năng cần thiết trong học tập và trong cuộc sống.

3.3. Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp

3.3.1 Thiết kế một số hoạt động ngoài giờ lên lớp dựa theo chủ điểm ở trường tiểu học

3.3.1.1 Nguyên tắc thiết kế hoạt động

- Nội dung hoạt động phải bám sát mục tiêu của HĐGDNGLL, gắn với các yêu cầu giáo dục của nhà trường, của địa phương và của xã hội ở từng thời điểm cụ thể.
- Phải đa dạng hóa các hình thức hoạt động cho phù hợp với nhu cầu và hứng thú của học sinh, sao cho phát huy được tối đa khả năng sáng tạo của các em trong việc tổ chức hoạt động.

3.3.1.2 Thời lượng quy định tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

HĐGDNGLL được thực hiện trong ba tiết một tuần.

- Tiết sinh hoạt dưới cờ định hướng mục tiêu, nội dung HĐGDNGLL.
- Tiết sinh hoạt lớp là thời điểm chuẩn bị và tập luyện cho hoạt động.
- Tiết HĐGDNGLL theo chủ đề là thời điểm thể hiện nội dung hoạt động của tuần.

3.3.1.3 Yêu cầu của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

Để tổ chức có hiệu quả các HĐGDNGLL, cần phải xác định rõ các yêu cầu cần đạt được của hoạt động. Đó là các yêu cầu:

- *Yêu cầu về nhận thức:* Hoạt động nhằm cung cấp cho học sinh những hiểu biết, những thông tin gì? Hoặc trong quá trình hoạt động, kỹ năng tự quản, kỹ năng giao tiếp, ứng xử,...) giúp các em củng cố hay nâng cao những kiến thức gì?
- *Yêu cầu về kỹ năng:* Hoạt động nhằm bồi dưỡng hoặc hình thành cho học sinh những kỹ năng nào, những cách ứng xử và hành vi giao tiếp có văn hóa gì? (kỹ năng điều khiển hoạt động, kỹ năng xử lý các tình huống nảy sinh.)
- *Yêu cầu về thái độ:* Giáo dục cho học sinh những tình cảm, thái độ gì? (yêu, ghét, hứng thú, tích cực, sẵn sàng,...)

3.3.1.4 Quy trình chung tổ chức một HĐGDNGLL nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh

Bước 1: Đặt tên chủ đề hoạt động và xác định các yêu cầu giáo dục, kỹ năng sống mà HS cần phải đạt được.

- + Trước hết, GV cần xác định chủ đề của hoạt động, vì chủ đề chứa đựng nội dung hoạt động và định hướng cho việc lựa chọn hình thức hoạt động phù hợp với lứa tuổi và điều kiện cụ thể của nhà trường.
- + Sau khi lựa chọn chủ đề, cần xác định rõ mục tiêu giáo dục, kỹ năng sống cần giáo dục cho HS để tổ chức hoạt động đúng hướng và có hiệu quả. Việc xác định mục tiêu hoạt động phải căn cứ vào các nhiệm vụ của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, chú ý vào 3 yêu cầu giáo dục:

(1) *Yêu cầu giáo dục về nhận thức:* hoạt động sẽ cung cấp cho học sinh những hiểu biết, những thông tin gì? củng cố hoặc nâng cao những hiểu biết gì cho học sinh?

(2) *Yêu cầu giáo dục về thái độ:* qua hoạt động sẽ giáo dục học sinh về mặt tình cảm, thái độ gì ? (yêu ghét, hứng thú, tích cực...).

(3) *Yêu cầu giáo dục về kỹ năng:* qua hoạt động sẽ hình thành ở học sinh những kỹ năng gì ? (kỹ năng giao tiếp, ứng xử; kỹ năng tự phục vụ; kỹ năng tự quản...)

- *Bước 2:* Chuẩn bị cho hoạt động

Sau khi đã xác định chủ đề và mục tiêu hoạt động, hiệu quả của HĐGDNGLL phụ thuộc phần lớn vào việc chuẩn bị cho hoạt động, cụ thể là:

- + Vạch kế hoạch bao gồm: dự kiến thời gian chuẩn bị, thời gian tiến hành hoạt động; dự kiến nội dung và hình thức hoạt động; dự kiến những điều kiện về kinh phí, phương tiện và cơ sở vật chất cho hoạt động.
- + Dự kiến những công việc phải chuẩn bị và phân công lực lượng tham gia chuẩn bị. Lực lượng tham gia chuẩn bị chủ yếu là học sinh nhưng trong nhiều hoạt động cần có sự tham gia chuẩn bị của giáo viên bộ môn, cha mẹ học sinh, đoàn – đội, các lực lượng ngoài xã hội ...
- + Xây dựng chương trình thực hiện hoạt động.
- + Bồi dưỡng đội ngũ cốt cán học sinh về kĩ năng tự quản, kĩ năng điều khiển hoạt động...
- + Đôn đốc, kiểm tra việc chuẩn bị: Trong quá trình chuẩn bị hoạt động, nhà giáo dục phải khuyến khích và lôi cuốn học sinh tham gia vào các công việc chuẩn bị, để học sinh là chủ thể tích cực của hoạt động.

– *Bước 3: Tiến hành hoạt động*

Ở bước này, học sinh sẽ điều khiển hoạt động theo chương trình đã được xây dựng từ trước. Nhà giáo dục tham gia như một đại biểu và chỉ xuất hiện khi thật cần thiết để giúp học sinh giải quyết những tình huống bất ngờ trong quá trình hoạt động.

– *Bước 4: Đánh giá kết quả hoạt động và tổ chức rút kinh nghiệm.*

Việc đánh giá kết quả HĐGDNGLL có liên quan tới kết quả giáo dục toàn diện của nhà trường, của lớp. Vì vậy, cần phải tổ chức đánh giá kết quả từng hoạt động cũng như đánh giá sau một thời kì (học kì, năm học) để từ đó rút kinh nghiệm cho việc tổ chức các hoạt động tiếp theo.

Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh cũng như các quá trình hoạt động giáo dục khác trong nhà trường đều có cấu trúc xác định. Nội dung giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tập trung vào các kĩ năng tâm lý - xã hội là những kĩ năng được vận dụng trong những tình huống hàng ngày để tương tác với người khác và giải quyết có hiệu quả những vấn đề, những tình huống của cuộc sống. Những nội dung này hết sức đơn giản, gần gũi với trẻ em, là những kiến thức tối thiểu để các em có thể tự lập. . . Và mục đích quan trọng nhất là giúp các em tự tin hơn, tự lập hơn trong cuộc sống”.

Ở trường tiểu học vào đầu năm học đều có kế hoạch xây dựng các hoạt động. Như vậy GV cần dựa vào kế hoạch này để xây dựng HĐ GDNGLL cụ thể cho từng hoạt động với từng thời gian thích hợp.

Thời gian	Chủ điểm	Gợi ý nội dung và hình thức tổ chức	Chủ đề giáo dục kĩ năng
Tháng 9/2016	Truyền thống nhà trường	- Nghe nói chuyện về ý nghĩa tên trường. - Phát động phong trào quyên góp sách giáo khoa, vở tặng các bạn có hoàn	- Kĩ năng lắng nghe tích cực - Kĩ năng thể hiện sự cảm thông.

		cảnh khó khăn. - Tổ chức cuộc thi “ An toàn giao thông”	- Kỹ năng làm chủ bản thân. - Kỹ năng thể hiện sự tự tin.
Tháng 10/2016	Chăm ngoan học giỏi	- Tổ chức câu lạc bộ: “Học mà vui, vui mà học”.	- Kỹ năng đảm nhận trách nhiệm - Kỹ năng hoạt động đội, nhóm - Kỹ năng hợp tác. . .
Tháng 11/2016	Tôn sư trọng đạo	- Phát động phong trào Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam - Tập văn nghệ, biểu diễn văn nghệ. - Sinh hoạt tập thể kỉ niệm ngày 20/11 - Tổ chức hội thi văn nghệ: Tiếng hát mừng thầy cô.	- Kỹ năng đảm nhận trách nhiệm - Kỹ năng hoạt động đội, nhóm - Kỹ năng hợp tác. - Kỹ năng sáng tạo.
Tháng 12/2016	Uống nước nhớ nguồn	- Tìm hiểu về truyền thống quân đội, nghe nói chuyện về anh bộ đội Cụ Hồ - Tập hát những bài hát về anh bộ đội.	- Kỹ năng lắng nghe tích cực - Kỹ năng văn nghệ.
Tháng 1,2/2017	Mừng đảng mừng xuân.	- Tổ chức cho học sinh tìm hiểu về truyền thống địa phương - Sinh hoạt tập thể kỷ niệm ngày 3/2, nghe nói chuyện về truyền thống quê hương, đất nước, Đảng.	- Kỹ năng lắng nghe tích cực - Kỹ năng giao tiếp - Kỹ năng điều khiển các hoạt động tập thể
Tháng 3/2017	Tiến bước lên đoàn	- Thi kể chuyện về bà, mẹ, các vị nữ anh hùng dân tộc. - Giao lưu văn nghệ - trò chơi dân gian	- Kỹ năng xác định giá trị - Kỹ năng sáng tạo. - Kỹ năng giải quyết vấn đề. . .
Tháng 4/2017	Hòa bình hữu nghị	- Tổ chức cuộc thi sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về cuộc sống của thiếu nhi các nước trên thế giới. - Tổ chức hội thi: “Múa hát tập thể”	- Kỹ năng xác định giá trị - Kỹ năng thể hiện sự tự tin. . .
Tháng 5/2017	Bác Hồ kính yêu	- Sinh hoạt tập thể kỷ niệm ngày sinh nhật Bác: Nghe kể chuyện về Bác Hồ. Tìm hiểu về Bác Hồ với thiếu nhi Việt Nam. - Tổ chức hội thi: “Chúng em kể chuyện Bác Hồ”.	- Kỹ năng lắng nghe tích cực - Kỹ năng thể hiện sự tự tin.

Tháng 6,7,8/ 2017	Hè vui bổ ích	- Tổ chức câu lạc bộ “ Sao nhi đồng”.	- Kỹ năng thể hiện sự tự tin. - Kỹ năng điều khiển các hoạt động tập thể. - Kỹ năng giao tiếp
-------------------------	------------------	---------------------------------------	---

3.3.2. Giáo viên chủ nhiệm vận dụng linh hoạt các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để thực hiện mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

- Luôn "làm mới" các hình thức thực hiện từng chủ đề của HĐGDNGLL.
- Đa dạng hoá các loại hình hoạt động của HĐGDNGLL.
- Tổ chức các HĐGDNGLL để thu hút học sinh tích cực tham gia.
- Sự mới lạ bao giờ cũng có sức hấp dẫn đối với học sinh khiến các em say mê khám phá. Các hoạt động mà nội dung đơn điệu, hình thức không phong phú học sinh dễ chán nản hoặc thờ ơ. Vì vậy cần sử dụng linh hoạt các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức HĐGDNGLL để thực hiện mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Sau đây tôi đưa ra một hình thức tổ chức HĐNGLL lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho học sinh:

Giáo viên chủ nhiệm lớp cần phải xây dựng các hoạt động theo từng chủ đề, chủ điểm của từng tháng và có kịch bản cho từng hoạt động và có sự chuẩn bị chu đáo về cả hình thức tổ chức và các điều kiện phục vụ cho hoạt động đó.

Khi tiến hành tổ chức một HĐNGLL cần phải tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Đặt tên chủ đề hoạt động và xác định các yêu cầu giáo dục phải đạt được.

Bước 2: Giáo viên chủ nhiệm cần vạch kế hoạch, thời gian tiến hành. Chuẩn bị về nội dung, hình thức hoạt động, các phương tiện cần thiết phục vụ cho hoạt động. Phân công công việc cụ thể, dự kiến các tình huống xảy ra. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra sự chuẩn bị.

Bước 3: Tiến hành hoạt động.

Đối với các hoạt động của lớp, cần cố gắng tạo điều kiện để học sinh tự quản, tự điều khiển, còn giáo viên nên đóng vai trò là người hỗ trợ, là người giúp đỡ các em.

Bước 4: Rút kinh nghiệm và đánh giá kết quả.

Cần phải rút kinh nghiệm để các hoạt động tiếp theo được tốt hơn, hiệu quả hơn. Khi rút kinh nghiệm và đánh giá kết quả cần tập trung vào hình thức tổ chức hoạt động, nội dung hoạt động, quá trình tự quản, tự điều khiển của học sinh để bước chuẩn bị cho những hoạt động tiếp theo đạt yêu cầu và mục tiêu đề ra.

Ví dụ: Tổ chức hoạt động: “Rung chuông vàng”.

Dựa vào chủ điểm *Truyền thống nhà trường*, tôi xây dựng HĐ GDNGLL nhằm GD KNS cho học sinh như sau:

Chủ đề: “An toàn giao thông”

a. Mục đích, đối tượng thực hiện

Giúp các em hiểu và thực hiện tốt luật giao thông, tuyên truyền người thân thực hiện tốt luật giao thông

Hình thành và giáo dục học sinh kỹ năng sống cơ bản sau: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tìm kiếm thông tin, kỹ năng hợp tác, kỹ năng tổ chức, điều khiển các hoạt động tập thể.

Tạo cho học sinh trong lớp không khí phấn khởi, tin tưởng “*Vui mà học, học mà vui*”, làm cho các em luôn luôn sẵn sàng tham gia các hoạt động của lớp.

Đối tượng: học sinh lớp 4, 5

b. Chuẩn bị:

- * Học sinh: Bảng con, phấn, khăn lau bảng
- * Giáo viên: - Chuẩn bị nội dung câu hỏi, đáp án
- Phân công học sinh dẫn chương trình

c. Nội dung:

Câu 1: Em hãy nêu đặc điểm của biển báo nguy hiểm?

Đáp án: Đặc điểm của biển báo nguy hiểm là:

- + Hình tam giác
- + Viền màu đỏ nền vàng
- + Ở giữa có vẽ màu đen biểu thị nội dung nguy hiểm cần biết

Câu 2: Đường sắt là đường dành cho phương tiện giao thông nào?

Đáp án: Đường sắt là đường dành cho tàu hỏa.

Câu 3: Em hiểu thế nào là đường xã?

Đáp án: Đường xã là đường nối các thôn trong xã.

Câu 4: Khi ngồi sau xe máy em cần nhớ điều gì?

Đáp án: Khi ngồi sau xe máy em cần đội mũ bảo hiểm và nhắc người lớn đội mũ bảo hiểm.

Câu 5: Khi đi ô tô khách, ô tô buýt em cần nhớ điều gì?

Đáp án:

- + Chỉ lên, xuống xe khi xe đã dừng hẳn, đỗ hẳn và lên từng người, không chen lấn nhau.
- + Không thò đầu, thò tay ra ngoài cửa xe
- + Không ném vật bỏ ra ngoài

Câu 6: Khi đi trên đường bộ có đường sắt cắt ngang ta cần chú ý điều gì?

Đáp án:

- + Nơi không có rào chắn, phải đứng cách đường ray ngoài cùng 5m
- + Nơi có rào chắn, đứng cách rào chắn ít nhất 1m để phòng tai nạn
- + Không cố ý vượt qua đường sắt khi tàu sắp chạy đến hoặc khi rào chắn đã đóng

- + Không chạy chơi trên đường sắt
- + Không ném đá lên tàu

Câu 7: Bạn hãy kể tên các loại đường giao thông?

Đáp án: Các loại đường giao thông

- + Đường bộ
- + Đường sắt
- + Đường thủy
- + Đường hàng không

Câu 8: Đường hàng không dành cho phương tiện giao thông nào?

Đáp án: Máy bay

Câu 9: Khi đi bộ và qua đường ta cần chú ý gì?

Đáp án:

Khi đi bộ phải đi trên vỉa hè hoặc sát mép đường bên phải nơi không có vỉa hè.

Khi đi qua đường phải đi vào vạch đi bộ qua đường. Nếu không có vạch đi bộ qua đường phải chọn nơi an toàn quan sát kỹ xe trên đường rồi mới đi được.

Trên đây là một hình thức tổ chức HĐNGLL mà tôi đề xuất tổ chức tại lớp trong các giờ sinh hoạt, hoạt động này sẽ thu hút 100% các em trong toàn lớp tham gia, nó tạo cho các em sự thoải mái, không nhàm chán mà còn giúp các em chăm chỉ, hăng say, phấn đấu, rèn luyện học tập trở thành con người phát triển toàn diện xứng đáng là chủ nhân tương lai của đất nước. Qua hoạt động này các em có ý thức tham gia giao thông cũng như được rèn một số kỹ năng cần thiết trong cuộc sống.

3.3.3. Phối hợp với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức số hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Xuất phát từ nội dung HĐGDNGLL và nội dung, nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tôi đã tiến hành các hoạt động cụ thể như sau:

– Hoạt động văn hóa nghệ thuật

Đây là một loại hình hoạt động quan trọng, không thể thiếu được trong sinh hoạt tập thể của trẻ em, nhất là học sinh tiểu học. Hoạt động này bao gồm nhiều thể loại khác nhau: Hát, múa, thơ ca, kịch ngắn, nhạc cụ, thi kể chuyện... Các hoạt động này góp phần hình thành cho các em kỹ năng mạnh dạn, tự tin trước đám đông. Đây là một trong những kỹ năng rất quan trọng trong xu thế hiện nay. Xác định được tầm quan trọng của hoạt động này, GV cần thường xuyên tổ chức các hoạt động phù hợp với chủ điểm từng tháng.

– Hoạt động vui chơi giải trí, thể dục thể thao

Vui chơi, giải trí là nhu cầu thiết yếu của học sinh, đồng thời cũng là quyền lợi của các em. Đây là một loại hoạt động có ý nghĩa giáo dục to lớn đối với học sinh ở trường tiểu học. Hoạt động này làm thỏa mãn về tinh thần cho trẻ em sau những giờ học căng thẳng, góp phần giáo dục một số phẩm chất như: tính tổ chức, kỷ luật, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái... Về hoạt động này, GV có thể kết hợp với nhà trường tổ chức thực hiện các hội thi như:

- + Tổ chức hội thi “Múa hát tập thể”

- + Hội thi “đá bóng” cấp trường.
- + Tổ chức Trò chơi dân gian "**Kéo co**".

Qua các hội thi, HS sẽ được rèn luyện các kỹ năng sống cần thiết.

– *Hoạt động xã hội*

Để giúp các em nâng cao hiểu biết về con người, đất nước, xã hội, đây là một hoạt động tuy khó nhưng nó mang một ý nghĩa vô cùng to lớn. Thông qua hoạt động này, GV giáo dục cho các em tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào dân tộc và giáo dục các em có tinh thần trách nhiệm, có nghĩa vụ đối với cộng đồng; các em sẽ được bồi dưỡng thêm về nhân cách, đặc biệt là tình người. Hoạt động này cần được tổ chức nhằm phát triển nhân cách và các kỹ năng sống cần thiết ở các em.

– *Hoạt động lao động công ích*

Đây là một loại hình đặc trưng của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Thông qua lao động công ích sẽ giúp các em gắn bó với đời sống xã hội, với công cuộc xây dựng đất nước. Ngoài ra lao động công ích còn góp phần làm cho học sinh hiểu thêm về giá trị lao động, từ đó giúp các em có ý thức lao động lành mạnh. Lao động công ích giúp các em vận dụng kiến thức vào đời sống như: Trục nhật, vệ sinh lớp học, sân trường, làm đẹp bồn hoa, cây cảnh cho đẹp trường, lớp. Đây là hoạt động thật sự cần thiết giúp các em thích nghi với cuộc sống xung quanh.

3.4. Khảo nghiệm sư phạm

3.4.1. Mục đích khảo nghiệm

- Tìm hiểu sự tán thành của các đối tượng tham gia đánh giá về tính cần thiết của các biện pháp.
- Xác định tính khả thi của các biện pháp đề xuất.

3.4.2. Đối tượng khảo nghiệm

- 4 cán bộ quản lý.
- 19 giáo viên
- 50 học sinh.

3.4.3. Nội dung khảo nghiệm

- *Nhận thức mức độ cần thiết của các biện pháp
- *Nhận thức mức độ khả thi của các biện pháp.

3.4.4. Phương pháp khảo nghiệm

- Điều tra bằng phiếu hỏi
- Phỏng vấn trực tiếp
- Xử lý thăm dò bằng phương pháp thống kê toán học

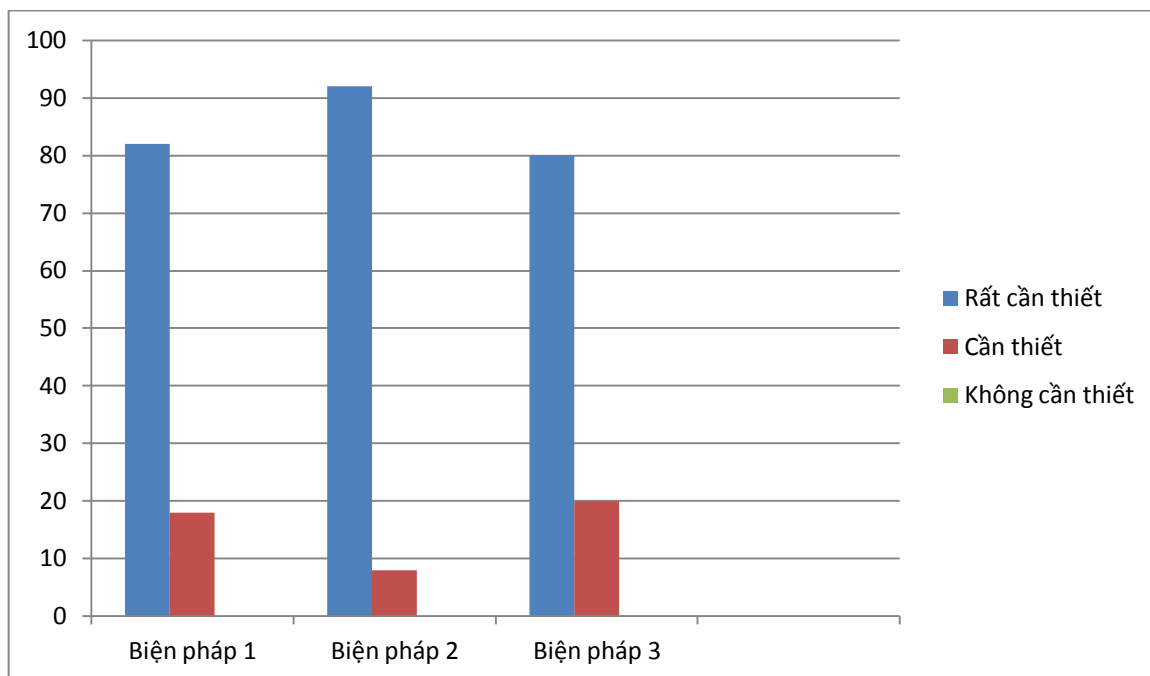
3.4.5. Kết quả khảo nghiệm

3.4.5.1. Kết quả trưng cầu ý kiến từ học sinh

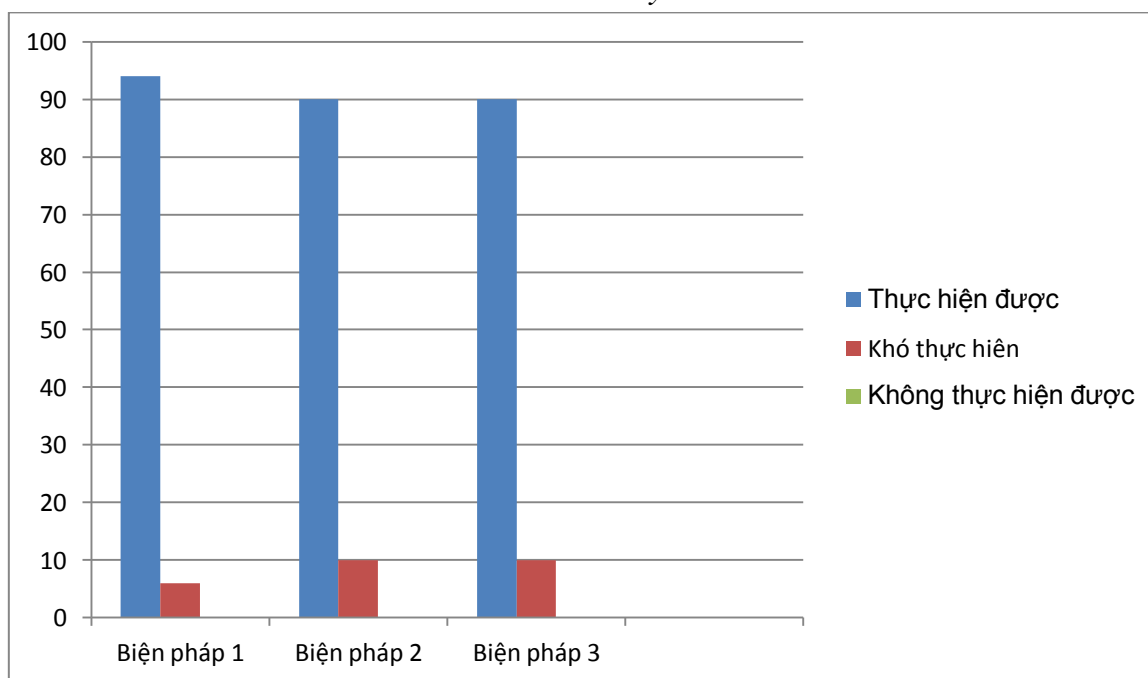
Bảng 3.1 Kết quả trưng cầu ý kiến học sinh về mức độ cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp thực hiện chương trình HĐGD NGLL

Các biện pháp	Mức độ cần thiết			Mức độ khả thi		
	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Thực hiện được	Khó thực hiện	Không thực hiện

											được	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	41	82	9	18	0	0	47	94	3	6	0	0
2	46	92	4	8	0	0	45	90	5	10	0	0
3	40	80	10	20	0	0	45	90	5	10	0	0



Biểu đồ thể hiện mức độ cần thiết của các biện pháp thực hiện chương trình HĐGDNGLL theo ý kiến của HS



Biểu đồ thể hiện mức độ khả thi của các biện pháp thực hiện HĐGDNGLL từ ý kiến của HS

*Nhận thức mức độ cần thiết của các biện pháp:

Phần lớn học sinh đều đánh giá các biện pháp trên là rất cần thiết: Thiết kế một số hoạt động ngoài giờ lên lớp dựa theo chủ điểm ở trường tiểu học 82%, GVCN vận dụng linh hoạt các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức HĐGDNGLL 92%, phối hợp với Đội TNTP Hồ Chí Minh tổ chức một số HĐGDNGLL 80%

*Nhận thức mức độ khả thi của các biện pháp

Đa số học sinh cho rằng các biện pháp đưa ra đều thực hiện được, cụ thể:

94% Thiết kế một số hoạt động ngoài giờ lên lớp dựa theo chủ điểm ở trường tiểu học.

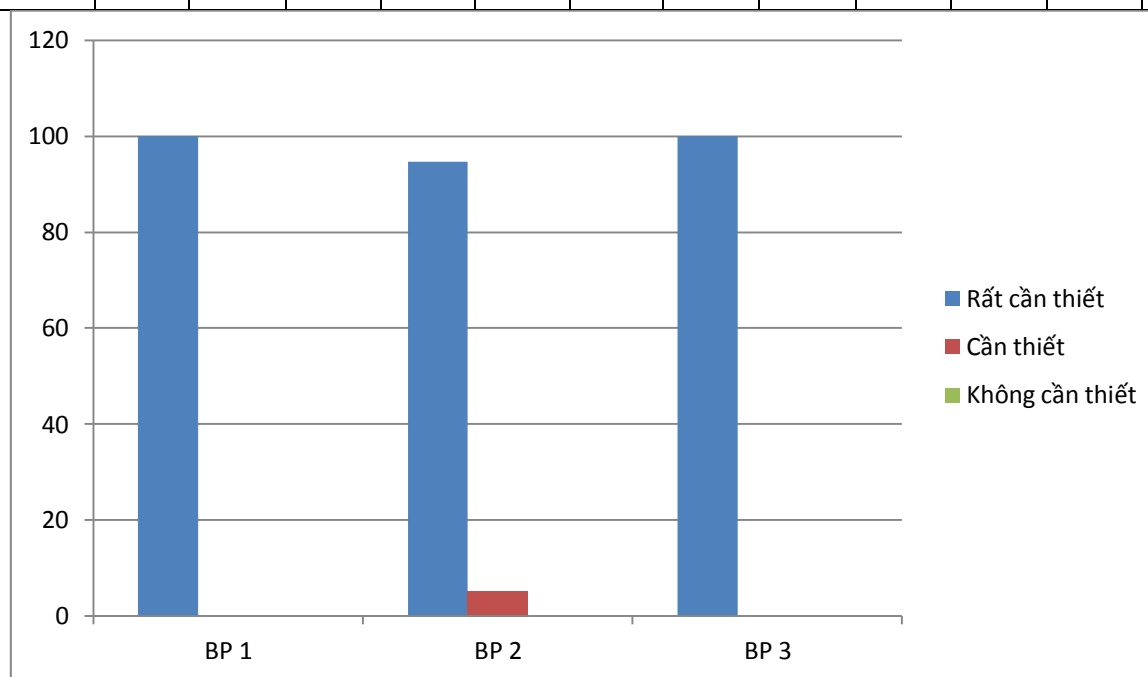
90% GVCN vận dụng linh hoạt các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức HĐGDNGLL.

90% phối hợp với Đội TNTP Hồ Chí Minh tổ chức một số HĐGDNGLL.

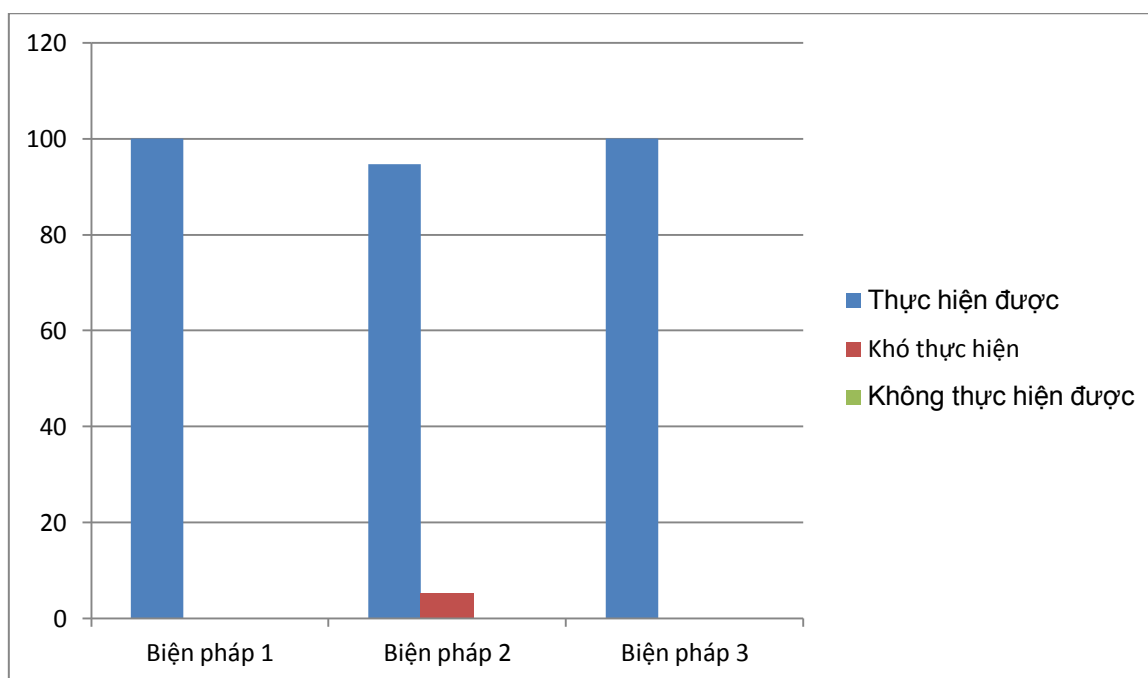
3.4.5.2. Kết quả trưng cầu ý kiến từ giáo viên

Bảng 3.2 Kết quả trưng cầu ý kiến giáo viên về mức độ cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp thực hiện chương trình HĐGDNGLL

Các biện pháp	Mức độ cần thiết						Mức độ khả thi					
	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện được		Khó thực hiện		Không thực hiện được	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	19	100	0	0	0	0	19	100	0	0	0	0
2	19	100	0	0	0	0	18	94,7	1	5,3	0	0
3	19	100	0	0	0	0	19	100	0	0	0	0



Biểu đồ thể hiện mức độ cần thiết của các biện pháp thực hiện chương trình HĐGDNGLL theo ý kiến của GV



Biểu đồ thể hiện mức độ khả thi của các biện pháp thực hiện HĐGDNGLL từ ý kiến của GV

*Nhận thức mức độ cần thiết của các biện pháp:

100% giáo viên đều đánh giá các biện pháp trên là rất cần thiết

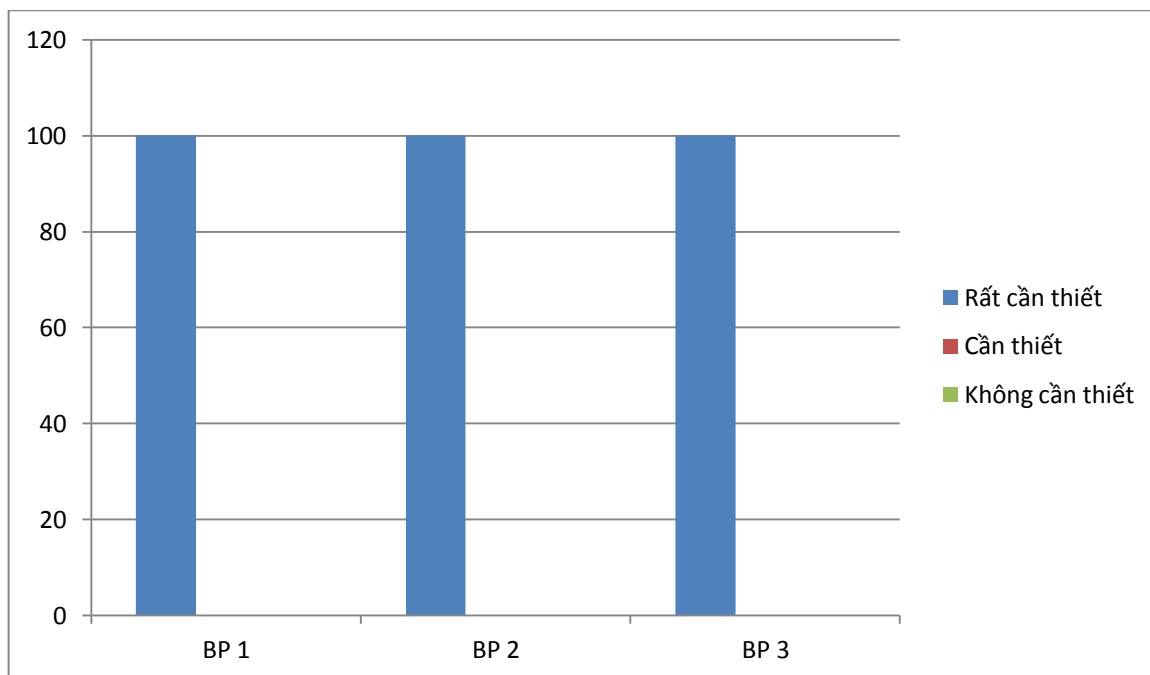
*Nhận thức mức độ khả thi của các biện pháp

Đa số giáo viên đều cho rằng các biện pháp đưa ra đều thực hiện được. Riêng biện pháp GVCN vận dụng linh hoạt các loại hình hoạt động, các hình thức tổ chức HĐGDNGLL có 5,3 % cho rằng khó thực hiện.

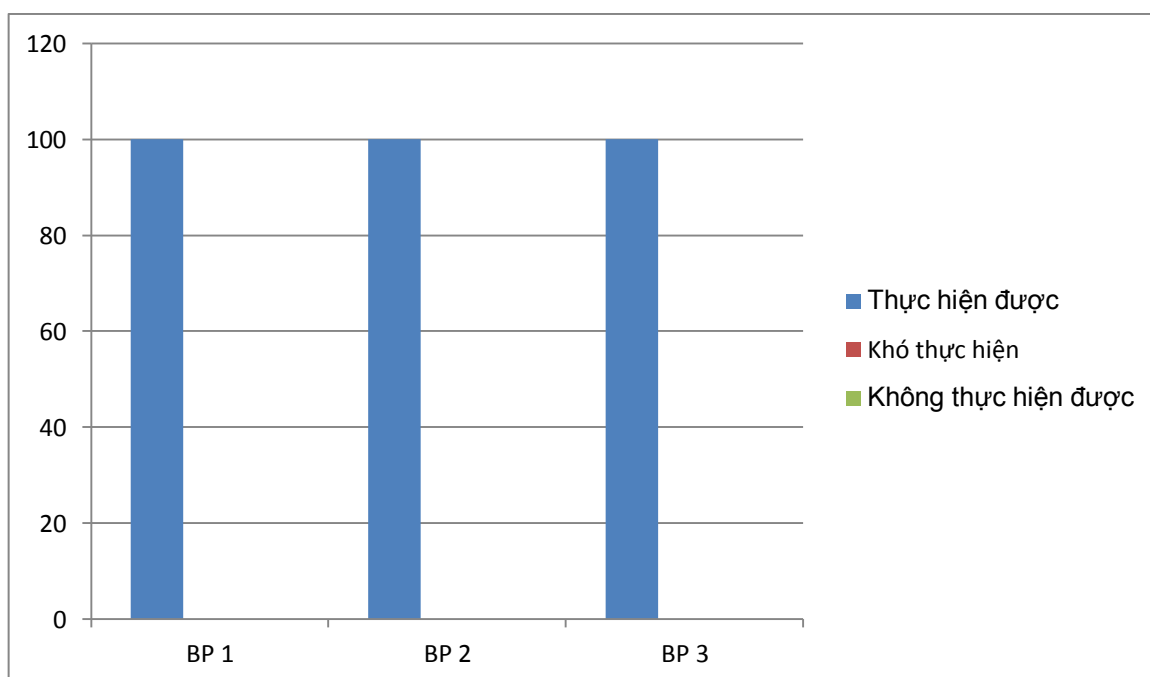
3.4.5.3. Kết quả trưng cầu ý kiến từ cán bộ quản lý

Bảng 3.3 Kết quả trưng cầu ý kiến cán bộ quản lý về mức độ cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp thực hiện chương trình HĐGDNGLL

Các biện pháp	Mức độ cần thiết						Mức độ khả thi					
	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		Thực hiện được		Khó thực hiện		Không thực hiện được	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	4	100	0	0	0	0	4	100	0	0	0	0
2	4	100	0	0	0	0	4	100	0	0	0	0
3	4	100	0	0	0	0	4	100	0	0	0	0



Biểu đồ thể hiện mức độ cần thiết của các biện pháp thực hiện chương trình HDGDNGLL theo ý kiến của CB quản lí



Biểu đồ thể hiện mức độ khả thi của các biện pháp thực hiện HDGDNGLL từ ý kiến của CB quản lí

*Nhận thức mức độ cần thiết của các biện pháp:

100% cán bộ quản lí đánh giá các biện pháp trên là rất cần thiết

*Nhận thức mức độ khả thi của các biện pháp

100% cán bộ quản lí đều khẳng định các biện pháp trên đều có tính khả thi.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Việc chú trọng giáo dục KNS thông qua HĐNGLL giúp tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, học sinh nỗ lực tiếp thu bài giảng và tìm tòi những kiến thức liên quan đến bài học để liên hệ áp dụng vào thực tiễn, qua đó phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

Nguyên tắc đề xuất biện pháp giáo dục KNS thông qua HĐNGLL cho học sinh lớp 4, 5 bao gồm: Dựa vào nội dung các hoạt động thực hiện chủ đề của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học, dựa vào đặc điểm tâm sinh lí của học sinh, dựa vào kết quả điều tra thực trạng.

Xuất phát từ cơ sở lý luận, thực tiễn và dựa trên các nguyên tắc xây dựng biện pháp tôi đề xuất một số biện pháp sau:

- Thiết kế một số hoạt động ngoài giờ lên lớp dựa theo chủ điểm ở trường tiểu học
- Phối hợp với Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức số hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Mỗi biện pháp trên đều có mục đích, nội dung và cách thực hiện khác nhau nhưng nhìn chung các biện pháp đã huy động được sự nỗ lực của cá lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường cùng tham gia thực hiện chương trình giáo dục KNS cho học sinh thông qua HĐNGLL.

C.KẾT LUẬN

1. Kết luận

- Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động, để học sinh tự cảm nhận, đánh giá, nhận xét qua các hành vi và từ đó hình thành các kĩ năng sống cho học sinh; thực hiện sự phối hợp trong và ngoài nhà trường để làm tốt công tác xã hội hoá trong việc giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.
- Giáo dục kĩ năng sống thông qua HĐ NGLL góp phần rèn luyện, hình thành cho học sinh sống có trách nhiệm hơn và biết lựa chọn cách ứng xử phù hợp, ứng phó các sức ép, thách thức trong cuộc sống; thúc đẩy hành vi mang tính xã hội, giảm bớt học sinh hư học sinh cá biệt.
- Giáo dục kĩ năng sống còn tạo mối quan hệ thân thiện, cởi mở giữa thầy, trò, sự hứng thú tự tin, chủ động sáng tạo trong học tập, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Học sinh được giáo dục kĩ năng sống xác định được bốn phận và nghĩa vụ của mình đối với bản thân, gia đình và xã hội.

2. Đề xuất, kiến nghị

- Để nâng cao hiệu quả việc tổ chức HĐGDNGLL nhằm GD KNS cho học sinh, Bộ GD & ĐT cần đổi mới chương trình giáo dục, tránh quá tải, áp lực nặng nề cho người học. Chú trọng đầu tư vào HĐNGLL đặc biệt giáo dục KNS cho học sinh để giúp các em phát triển một cách toàn diện.
- Nhà trường cần chỉ đạo việc thực hiện chương trình HĐGDNGLL, quan tâm thường xuyên, kịp thời tới việc thực hiện chương trình HĐGDNGLL của giáo viên và học sinh.
- Giáo viên cần thiết kế nhiều hoạt động HĐGDNGLL phù hợp với HS để góp phần giáo dục KNS cho các em.

D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. N. Lêônchiep giáo trình *Hoạt động, ý thức, nhân cách*, NXB Giáo dục (1989)
2. Đặng Vũ Hoạt – Nguyễn Hữu Hợp, *Giáo dục học Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.
3. Lê Văn Hồng – Lê Ngọc Lan (1998), *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, NXB Giáo dục.
4. Nguyễn Dục Quang, Lê Thanh Sử, Nguyễn Thị Ki, *Những tình huống giáo dục học sinh của người giáo viên chủ nhiệm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
5. Nguyễn Như An (1996), *Phương pháp dạy học giáo dục học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức (2002), *Giáo dục đại cương – tập 1*, NXB Giáo dục.
7. Nguyễn Hữu Hợp, *Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.
8. Nguyễn Dục Quang (chủ biên), *Giáo trình Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*, NXB Đại học Sư phạm.
9. Nguyễn Thanh Bình (2007), *Giáo trình Giáo dục kĩ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
10. PGS. TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, TS. Đinh Thị Kim Thoa, TS. Bùi Thị Thúy Hằng, *Giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống cho học sinh Tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Vũ Dũng (chủ biên), (2000), *Từ điển tâm lí học*, NXB Khoa học và xã hội, Hà Nội.
12. Vũ Minh Tâm (chủ biên), *Tư tưởng triết học về con người*, NXB Giáo dục, 1996.
13. *Giáo trình nghiệp vụ quản lý trường phổ thông, tập 1, 2, 3*, Trường Cán bộ Quản lí Giáo dục.
14. Tài liệu: *Nâng cao chất lượng giáo dục ngoài giờ lên lớp – Chương trình bồi dưỡng giáo viên Tiểu học*.
15. Tài liệu tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

E. PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho học sinh)

Để hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp góp phần nâng cao kỹ năng sống cho học sinh, xin em vui lòng cho biết một số thông tin sau:

1. Theo em, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có vị trí, vai trò như thế nào đối với việc nâng cao kỹ năng cho học sinh tiểu học.

(Đánh dấu X vào một ô em lựa chọn)

Rất quan trọng

Quan trọng

Không quan trọng

2. Theo chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học, em đã được tham gia những chủ đề nào dưới đây? Qui mô và hình thức tổ chức của giáo viên như thế nào?

(Đánh dấu X vào những phương án em lựa chọn. Qui mô lớp được hiểu là thành phần tham gia là học sinh trong 1 lớp, qui mô khối được hiểu là thành phần tham gia là học sinh toàn khối 4, qui mô trường được hiểu là thành phần tham gia là học sinh toàn trường. Hình thức đơn điệu được hiểu là các tiết học thường lặp đi lặp lại một hoặc hai hoạt động gây nhàm chán. Phong phú là trong các tiết học luôn có sự thay đổi đa dạng các hoạt động, tạo ra sự sinh động trong các tiết học)

Các chủ đề	Qui mô			Hình thức	
	Lớp	Khối	Trường	Đơn điệu	Phong phú
1. Truyền thống nhà trường					
2. Chăm ngoan học giỏi					
3. Tôn sư trọng đạo					
4. Uống nước nhớ nguồn					
5. Mừng Đảng, mừng xuân					
6. Tiến bước lên Đoàn					
7. Hòa bình hữu nghị					
8. Bác Hồ kính yêu					
9. Hè vui bổ ích					

3. Em đã được tham gia vào những hình thức tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp nào sau đây. Mức độ tham gia các hình thức đó như thế nào?

(Đánh dấu X vào ô mà em lựa chọn)

Những hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp mà em đã được tham gia	Mức độ		
	Không tham gia	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
1. Trò chơi theo đội, nhóm			
2. Trò chơi cá nhân			
3. Thi múa, hát tập thể			

4. Kể chuyện			
5. Vẽ tranh, xé dán			
6. Tham quan			
7. Nghe giáo viên báo cáo			
8. Đóng kịch, xử lý tình huống			
9. Thi viết, tìm hiểu theo chủ đề			
10. Diễn đàn			
11. Tham gia câu lạc bộ			

4. Em có thích tham gia vào các hoạt động ngoài giờ lên lớp không? Vì sao?

(Đánh dấu X vào một phương án và trả lời vì sao em lại lựa chọn phương án đó)

Có ☐

Không ☐

Vì sao **CÓ?**

Vì sao **KHÔNG?**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Theo em, việc tham gia hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có ý nghĩa gì?

1. Thoải mái tinh thần sau giờ học căng thẳng
2. Rèn luyện kỹ năng sống (giao tiếp, làm việc nhóm, ứng xử có văn hóa...)
3. Gần gũi, thân thiện với bạn bè, thầy cô
4. Vận dụng những tri thức đã được học vào thực tiễn
5. Phát triển năng khiếu của học sinh
6. Giúp học sinh tích cực, năng động.

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Ý kiến khác:.....

❖ Em hãy cho biết đôi điều về bản thân:

Giới tính: Nam ☐

Nữ ☐

Lớp:.....Trường:.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các em!

Phụ lục 2:

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho phụ huynh học sinh)

Để hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp góp phần nâng cao kỹ năng sống cho học sinh một cách hiệu quả, xin ông (bà) vui lòng cho biết một số thông tin sau:

- 1. Theo ông (bà), hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có vị trí, vai trò như thế nào đối với việc nâng cao kỹ năng cho học sinh khối lớp 4, 5.**

(Đánh dấu X vào một ô ông (bà) lựa chọn)

Rất quan trọng

Quan trọng

Không quan trọng

- 2. Ông (bà) có muốn cho con em mình tham gia hoạt động ngoài giờ lên lớp không? Vì sao?**

(Đánh dấu X vào lí do mà ông (bà) lựa chọn)

Có

☐

Không

☐

Lí do:

+ Giúp các em tránh tham gia vào các hoạt động không lành mạnh

☐

+ Rèn luyện kỹ năng sống (giao tiếp, ứng xử, hợp tác...)

☐

+ Mở rộng kiến thức

Các lí do khác:

.....
.....

Lí do:

+ Ảnh hưởng đến thời gian học văn hóa

☐

+ Kinh phí tốn kém

☐

+ Không có thời gian giúp đỡ gia đình.

☐

Các lí do khác:

.....
.....

- 3. Để giúp đỡ nhà trường và các em học sinh tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm nâng cao kỹ năng sống có hiệu quả, ông (bà) đã có những đóng góp gì?**

.....
.....
.....
.....

Xin cảm ơn sự hợp tác của ông (bà)!

Phụ lục 3:

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho giáo viên)

Xin thầy (cô) vui lòng cho biết ý kiến của mình về những thông tin dưới đây:

Ý kiến của thầy (cô) sẽ là cơ sở góp phần đề xuất một số biện pháp thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh.

1. Theo thầy (cô), hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có vị trí, vai trò như thế nào đối với việc nâng cao kỹ năng cho học sinh khối lớp 4, 5.

(Đánh dấu X vào một ô thầy (cô) lựa chọn)

Rất quan trọng ☐

Quan trọng ☐

Không quan trọng ☐

2. Thầy (cô) đã tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo các chủ đề nào dưới đây? Nội dung, qui mô thực hiện như thế nào?

(Mỗi một hoạt động thầy (cô) chọn một mức độ và qui mô tương ứng)

Các chủ đề	Nội dung			Qui mô		
	Không đúng qui định	Đúng qui định	Mở rộng	Lớp	Khối	Trường
1. Truyền thống nhà trường						
2. Chăm ngoan học giỏi						
3. Tôn sư trọng đạo						
4. Uống nước nhớ nguồn						
5. Mừng Đảng, mừng xuân						
6. Tiến bước lên Đoàn						
7. Hòa bình, hữu nghị						
8. Bác Hồ kính yêu						
9. Hè vui bổ ích						

3. Những kỹ năng sống được thầy (cô) thường hay sử dụng để rèn luyện cho học sinh thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp là những kỹ năng nào?

(Thầy (cô) hãy đánh dấu X vào mức độ thực hiện tương ứng)

Kỹ năng sống	Mức độ sử dụng		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1. Ra quyết định			
2. Khả năng thấu cảm			
3. Giải quyết vấn đề			

4. Suy nghĩ có phán đoán			
5. Giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực			
6. Giao tiếp giữa người với người			
7. Ý thức về bản thân			
8. Ứng phó với cảm xúc, căng thẳng			
9. Xác định giá trị			
10. Đánh giá và tự đánh giá			

4. Thầy (cô) vui lòng cho biết, đánh giá của giáo viên về mức độ thực hiện các kĩ năng sống cơ bản của học sinh lớp 4, 5 hiện nay như thế nào.

Kĩ năng sống	Mức độ thực hiện		
	Học sinh làm tốt (người)	Học sinh làm có sự trợ giúp (người)	Học sinh còn lúng túng (người)
1. Ra quyết định			
2. Khả năng thấu cảm			
3. Giải quyết vấn đề			
4. Suy nghĩ có phán đoán			
5. Giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực			
6. Giao tiếp giữa người với người			
7. Ý thức về bản thân			
8. Ứng phó với cảm xúc, căng thẳng			
9. Xác định giá trị			
10. Đánh giá và tự đánh giá			

5. Thầy (cô) vui lòng cho biết, người chịu trách nhiệm chính khi tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp là ai? Có những lực lượng nào tham gia?

- Người chịu trách nhiệm chính:.....
- Những lực lượng tham gia:.....

6. Thầy (cô) vui lòng cho biết mức độ sử dụng những hình thức tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giáo dục kĩ năng sống cho học sinh mà thầy (cô) đã tiến hành. Hiệu quả khi sử dụng những hình thức này như thế nào? Lí do tại sao lại có hiệu quả như vậy?

Những hình thức tổ chức HĐNGLL học sinh đã được tham gia	Mức độ			Hiệu quả		
	Không tham gia	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Cao	Thấp	TB
1. Trò chơi theo đội, nhóm						
2. Trò chơi cá nhân						
3. Thi múa, hát tập thể						
4. Kể chuyện						
5. Vẽ tranh, xé dán						
6. Tham quan						
7. Nghe giáo viên báo cáo						
8. Đóng kịch, xử lý tình huống						
9. Thi viết, tìm hiểu theo chủ đề						
10. Diễn đàn						
11. Tham gia câu lạc bộ						

Lí do dẫn đến hiệu quả như trên là:.....

.....

7. Thầy (cô) vui lòng cho biết mức độ sử dụng những phương pháp tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp mà thầy (cô) đã tiến hành. Hiệu quả khi sử dụng những phương pháp này như thế nào? Tại sao lại có hiệu quả như vậy?

Các phương pháp	Mức độ			Hiệu quả		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ	Cao	TB	Thấp
1. Trò chơi						
2. Thảo luận nhóm						
3. Đóng vai						
4. Giải quyết vấn đề						
5. Giao nhiệm vụ						
6. Thuyết trình						
7. Diễn đàn						

Lí do có hiệu quả như trên là:.....

.....

.....

8. Ý kiến của thầy (cô) về các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi là:

(Đánh dấu X vào những ô thầy (cô) lựa chọn tương ứng)

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Nhận thức của các lực lượng giáo dục | <input type="checkbox"/> |
| 2. Năng lực tổ chức của giáo viên | <input type="checkbox"/> |
| 3. Cơ sở vật chất | <input type="checkbox"/> |
| 4. Sự hỗ trợ về vật chất, động viên về tinh thần của tập thể | <input type="checkbox"/> |
| 5. Thời gian học văn hóa và áp lực về thành tích | <input type="checkbox"/> |
| 6. Định hướng đổi mới giáo dục | <input type="checkbox"/> |
| 7. Hình thức tổ chức và nội dung hoạt động | <input type="checkbox"/> |
| 8. Sự đánh giá kết quả của HĐGDNGLL | <input type="checkbox"/> |
| 9. Tính tích cực, chủ động của học sinh | <input type="checkbox"/> |

Theo thầy (cô) thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp gặp những khó khăn gì?

.....
.....

9. Thầy (cô) có tiến hành đánh giá kết quả khi thực hiện chương trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp không?

Có ☐

Không ☐

❖ **Ai đánh giá:** Giáo viên ☐ Học sinh ☐ Cả hai ☐

Lí do:

❖ **Đánh giá theo tiêu chí nào?**

.....
.....

❖ **Thầy (cô) vui lòng cho biết đôi điều về bản thân**

+ **Giáo viên dạy môn:**

+ **Lớp dạy:**

+ **Trường:**

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của thầy (cô)!

Phụ lục 4:**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN***(Dành cho cán bộ quản lí)*

Để có cơ sở nhằm đề xuất một số biện pháp thực hiện chương trình giáo dục kĩ năng sống cho học sinh lớp 4, 5 thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp, xin thầy (cô) vui lòng cho biết ý kiến của mình về những thông tin dưới đây:

1. Theo thầy (cô), hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có vị trí, vai trò như thế nào đối với việc nâng cao kĩ năng cho học sinh khối lớp 4, 5.

(Đánh dấu X vào một ô thầy (cô) lựa chọn)

Rất quan trọng ☐

Quan trọng ☐

Không quan trọng ☐

2. Thầy (cô) đã tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo các chủ đề nào dưới đây? Nội dung, qui mô thực hiện như thế nào?

(Mỗi một hoạt động thầy (cô) chọn một mức độ và qui mô tương ứng)

Các chủ đề	Nội dung			Qui mô		
	Không đúng qui định	Đúng qui định	Mở rộng	Lớp	Khối	Trường
1. Truyền thống nhà trường						
2. Chăm ngoan học giỏi						
3. Tôn sư trọng đạo						
4. Uống nước nhớ nguồn						
5. Mừng Đảng, mừng xuân						
6. Tiến bước lên Đoàn						
7. Hòa bình, hữu nghị						
8. Bác Hồ kính yêu						
9. Hè vui bổ ích						

3. Thầy (cô) hãy cho biết, người chịu trách nhiệm chính khi tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp là ai? Có những lực lượng nào tham gia?

a. Người chịu trách nhiệm chính:.....

b. Những lực lượng tham gia:.....

4. Thầy (cô) hãy cho biết mức độ sử dụng những hình thức tổ chức HĐNGLL mà lớp, khối, trường thầy (cô) đã tiến hành. Hiệu quả khi sử dụng những hình thức này như thế nào? Lí do tại sao lại có hiệu quả như vậy?

Những hình thức tổ chức HĐNGLL học sinh đã được tham gia	Mức độ			Hiệu quả		
	Không tham gia	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Cao	Thấp	TB
10. Trò chơi theo đội, nhóm						
11. Trò chơi cá nhân						
12. Thi múa, hát tập thể						
13. Kể chuyện						
14. Vẽ tranh, xé dán						
15. Tham quan						
16. Nghe giáo viên báo cáo						
17. Đóng kịch, xử lý tình huống						
18. Thi viết, tìm hiểu theo chủ đề						
19. Diễn đàn						
20. Tham gia câu lạc bộ						

Lí do dẫn đến hiệu quả như trên:.....

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của thầy (cô)!